

Danh mục gói thầu: Vật tư y tế, vật tư tiêu hao các loại

Phụ lục 1

(Kèm theo Công văn số 745 /YCBG-BVBT ngày 08 tháng 4 năm 2026)

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|---|-------------|----------|
| 1 | Buồng thử và vỏ bọc tưới dịch | Buồng thử và vỏ bọc tưới dịch (Sleeve) loại tái sử dụng, dùng cho máy phaco Sovereign Compact hoặc tương đương. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu, Châu Mỹ | Cái | 20 |
| 2 | Bộ dây tưới hút (cassette) | Loại sử dụng nhiều lần, phù hợp cho máy phaco Sovereign Compact OPO 65 hoặc tương đương. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu, Châu Mỹ | Bộ | 2 |
| 3 | Bông băng mắt | Bông băng mắt, màu trắng vô trùng, hình ovan, kích thước 5 x 7 cm | Miếng | 21,000 |
| 4 | Chất nhầy | Dung dịch nhầy dùng trong phẫu thuật mắt thành phần: HPMC 2%, không có bọt khí. Nhóm nước sản xuất: G7 hoặc Asian | Cái | 550 |
| 5 | Băng vô trùng trong suốt | băng được vô trùng trong suốt, kích thước 6cmx7cm. | Miếng | 1,220 |
| 6 | Dao Coblator cắt Amydal | Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CFS, FDA của Mỹ. Thiết kế có đường nước và sử dụng dung dịch nước muối sinh lý làm chất dẫn điện tạo trường plasma. Thông số kỹ thuật đầu thẳng, chiều dài làm việc là ≥ 6 inches. Chiều dài thân trục 137mm; đường kính thân trục 5.8mm; đường kính lòng ống hút 1.6mm; ; kích thước mặt tiếp xúc 3.4mm x 3.8mm. Có 4 công năng: cắt, cầm máu, tưới nước và hút. Quy cách: Bộ đầu Evac 70Xtra HP: vô khuẩn, được sản xuất dính liền với bộ dây truyền dịch, cổng hút dịch và dây dẫn nối với máy Coblator II | Bộ | 10 |
| 7 | Dao mổ Phaco 2,2mm; 2,4mm; 2,8mm; 3,0mm; 3,2mm | Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ. Hai mặt vát, gập góc 45 độ. Công nghệ chống chói đầu lưỡi dao. Tay cầm nhựa PBT chịu nhiệt cao. Nhóm nước sản xuất: G7 hoặc Asian | Cái | 500 |
| 8 | Dao mổ phụ 15 độ | Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ. Dao thẳng, góc 15 độ, hai mặt vát. Tay cầm nhựa PBT chịu nhiệt cao. Nhóm nước sản xuất: G7 hoặc Asian | Cái | 500 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|---|-------------|----------|
| 9 | Giấy ghi kết quả máy đo khúc xạ | Giấy ghi kết quả máy đo khúc xạ 58 mm x 30 m | Cuộn | 10 |
| 10 | Thuốc nhuộm bao thủy tinh thể | Lọ 1ml Chất liệu: Trypan Blue 0.06%. Màu xanh, trong suốt, không đóng cặn, vô trùng tuyệt đối. Bấm tốt vào bao trước khi nhuộm | Lọ | 100 |
| 11 | Thủy tinh thể nhân tạo mềm | Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, một mảnh. - Màu sắc: trong suốt. - Chất liệu: Hydrophobic Acrylic kỵ nước. - Cấu tạo: 1 mảnh, 2 càng - Bờ vuông 360 độ. - Dải công suất: Từ 10.D đến +30.D mức tăng 0.5D. - Thủy tinh thể lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính. - Kích thước vết mổ: 2,2mm - 2,6mm. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu hoặc G7 | Cái | 450 |
| 12 | Thủy tinh thể nhân tạo mềm | Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, ba mảnh 1. Chất liệu: - Thấu kính: Hydrophobic Soft Acrylic; - Càng: Polyvinylidene fluoride(PVDF) 2. Màu sắc: trong suốt. 3. Thiết kế: - Càng chữ C - Bờ vuông 360 độ - Góc càng 5 độ 4. Đặc điểm: - Phi cầu - Đường kính tổng thể thủy tinh thể 13 mm. - Đường kính Optic: 6mm - Kích thước vết mổ: 2,4mm - 2,6mm. - Dải công suất: +10D đến + 26D, mức tăng 0,5D. + Thủy tinh thể lắp sẵn trong dụng cụ đặt kính. Nhóm nước sản xuất: G7 hoặc Asian | Cái | 50 |
| 13 | Que đốt-hút điện cầm máu trong phẫu thuật thanh quản | Thông số: bọc cách điện, chiều dài 21cm hoặc tương đương, đường kính 2,5mm, có đầu chạm đốt điện đơn cực, có que vệ sinh ống hút đi kèm | Cái | 2 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|--|-------------|----------|
| 14 | Bộ dây tưới hút (Cassette) | Cassette dùng trong phẫu thuật phaco: Tương thích với máy phaco WHITESTAR SIGNATURE PRO Bộ dây tưới hút được thiết kế để thực hiện tưới và hút dịch trong phẫu thuật đục thủy tinh thể. Bộ dây được tiệt trùng bằng ethylene oxide (EO) Bộ dây tưới hút bao gồm: +Đầu nối spike-kết nối với chai dịch tưới + Cassette +Túi chứa dịch thái +Bộ dây I/A-kết nối với tay cầm. | Cái | 120 |
| 15 | Đầu cắt dịch kính | Đầu cắt dịch kính 23G Tương thích với máy phaco WHITESTAR SIGNATURE PRO. | Cái | 12 |
| 16 | Đai kim loại | Đai kim loại. Nhóm nước sản xuất: G7 | Sợi | 120 |
| 17 | Chất bôi trơn ống tủy | Chất bôi trơn ống tủy. Nhóm nước sản xuất: G7 | ống | 20 |
| 18 | Chất bơm rửa ống tủy | Chất bơm rửa ống tủy. Nhóm nước sản xuất: G7 | chai | 12 |
| 19 | Chất trám bít ống tủy dùng cho răng nhiễm trùng chóp | Chất trám bít ống tủy dùng cho răng nhiễm trùng chóp. Nhóm nước sản xuất: G7 | Tube | 10 |
| 20 | Chổi đánh bóng nha chu | Chổi đánh bóng nha chu. Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 200 |
| 21 | Cọ tăm bông | Cọ tăm bông Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 1,800 |
| 22 | Composite đặc các loại | Composite đặc các loại Nhóm nước sản xuất: G7 | hộp | 30 |
| 23 | Composite lỏng | Composite lỏng, ống 2g Nhóm nước sản xuất: G7 | Ống | 30 |
| 24 | Composite lỏng, nhộng | Composite lỏng, nhộng 0,25g Nhóm nước sản xuất: G7 | nhộng | 30 |
| 25 | Composite quang trùng hợp | Composite quang trùng hợp Nhóm nước sản xuất: G7 | ống | 30 |
| 26 | Cone chính đủ số | Cone chính đủ số Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 2,400 |
| 27 | Cone giấy (Paper Points) | Cone giấy (Paper Points) Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 6,000 |
| 28 | Cone gutta percha protaper (G.P Protaper) F1, F2, F3 | Cone gutta percha protaper (G.P Protaper) F1, F2, F3 Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 2,400 |
| 29 | Cone phụ A, B, C, D | Cone phụ A, B, C, D Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 6,000 |
| 30 | Cone trám bít tủy 4% | Cone trám bít tủy 4% Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 2,400 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|--|-------------|----------|
| 31 | Cung cố định hàm | Cung cố định hàm Nhóm nước sản xuất: G7 | Gói | 500 |
| 32 | Dầu xịt tay khoan | Dầu xịt tay khoan, chai 400ml Nhóm nước sản xuất: G7 | chai | 10 |
| 33 | Dây nhám kê kim loại | Dây nhám kê kim loại Nhóm nước sản xuất: G7 | sợi | 50 |
| 34 | Đĩa đánh bóng các loại | Đĩa đánh bóng các loại. Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 30 |
| 35 | Diệt tủy không chứa Arsenic | Diệt tủy không chứa Arsenic 5g. Nhóm nước sản xuất: G7 | Lọ | 2 |
| 36 | Eugenol | Eugenol 30ml | Lọ | 10 |
| 37 | Hóa chất trám răng | Hóa chất trám răng (15g;8g) Nhóm nước sản xuất: G7 | Hộp | 15 |
| 38 | Hydroxit Canxi | Hydroxit Canxi dạng bột nhào Nhóm nước sản xuất: G7 | Ống | 50 |
| 39 | Keo Bonding 4M hoặc tương đương | Keo Bonding 4M hoặc tương đương Nhóm nước sản xuất: G7 | lọ | 12 |
| 40 | Keo dán 1 bước | Keo dán 1 bước Nhóm nước sản xuất: G7 | lọ | 12 |
| 41 | Keo dán quang trùng hợp | Keo dán quang trùng hợp, lọ 6g Nhóm nước sản xuất: G7 | lọ | 12 |
| 42 | Mặt gương | Mặt gương Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 240 |
| 43 | Mũi khoan | Mũi khoan maxi ngắn, dài.Thép không rỉ Nhóm nước sản xuất: G7 | cái | 50 |
| 44 | Mũi khoan | Mũi khoan mid ngắn, dài.Thép không rỉ Nhóm nước sản xuất: G7 | cái | 50 |
| 45 | Mũi khoan | Mũi khoan mini ngắn, dài.Thép không rỉ Nhóm nước sản xuất: G7 | cái | 100 |
| 46 | Mũi khoan Gates hoặc tương đương, các loại | Mũi khoan Gates các loại.Thép không rỉ Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 60 |
| 47 | Mũi khoan kim cương siêu tốc loại I | Mũi khoan kim cương siêu tốc loại I.Thép không rỉ Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 400 |
| 48 | Mũi khoan sọ não | Mũi khoan cắt sọ, đường kính 2,3mm, dài 8cm Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 22 |
| 49 | Mũi khoan tốc độ chậm, thẳng, số 702 | Mũi khoan tốc độ chậm, thẳng, số 702.Thép không rỉ Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 200 |
| 50 | Mũi khoan tungsten đầu tròn HP hoặc tương đương, các loại | Mũi khoan tungsten đầu tròn HP các loại.Thép không rỉ Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 50 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|--|-------------|----------|
| 51 | Mũi mở tuỷ Endo Access hoặc tương đương | Mũi mở tuỷ Endo Access Nhóm nước sản xuất: G7 | Mũi | 60 |
| 52 | Mũi mở tuỷ tránh thủng sàn Endo Z | Mũi mở tuỷ tránh thủng sàn Endo Z Nhóm nước sản xuất: G7 | cây | 10 |
| 53 | Nẹp 4,6 lỗ, kích thước các cỡ | Nẹp Titan maxi: 4,6 lỗ,kích thước các cỡ Nhóm nước sản xuất: G7 | cái | 50 |
| 54 | Nẹp 6 lỗ hoặc tương đương, kích thước các cỡ | Nẹp Titan maxi EDC 6 lỗ hoặc tương đương, kích thước các cỡ Nhóm nước sản xuất: G7 | cái | 50 |
| 55 | Nẹp thẳng 20 lỗ, kích thước các cỡ | Nẹp Titan mid thẳng 20 lỗ,kích thước các cỡ Nhóm nước sản xuất: G7 | cái | 50 |
| 56 | Ống hút nước bọt, nhựa trong, mềm, dễ định vị | Ống hút nước bọt, nhựa trong, mềm, dễ định vị Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 2,000 |
| 57 | Oxít kẽm | Oxít kẽm Nhóm nước sản xuất: G7 | Gram | 1,650 |
| 58 | Sò đánh bóng | Sò đánh bóng Nhóm nước sản xuất: G7 | Con | 200 |
| 59 | Trâm máy | Trâm máy (các số: f1,F2,F3) Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 180 |
| 60 | Trâm nội nha | Trâm nội nha Reamer (08-40) Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 1,800 |
| 61 | Trâm nội nha cỡ nhỏ | Trâm nội nha Hedstroem file 21mm, 25mm cỡ nhỏ (08-40) Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 600 |
| 62 | Trâm nội nha điều trị tủy lại D1 D2 D3 | Trâm nội nha điều trị tủy lại D1 D2 D3 Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 60 |
| 63 | Trâm nội nha độ thuôn lớn dùng tay | Trâm nội nha độ thuôn lớn dùng tay Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 60 |
| 64 | Trâm sửa soạn ống tủy được xử lý nhiệt vàng | Trâm sửa soạn ống tủy được xử lý nhiệt vàng Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 12 |
| 65 | Trâm thông ống tủy bị vôi hóa | Trâm thông ống tủy bị vôi hóa (Tương đương với c+ File) Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 120 |
| 66 | Vật liệu MTA trong điều trị nội nha (bột+nước) | Vật liệu MTA trong điều trị nội nha (bột+nước) Nhóm nước sản xuất: G7 | Hộp | 3 |
| 67 | Vật liệu MTA trong điều trị nội nha dạng bột | Vật liệu MTA trong điều trị nội nha dạng bột Nhóm nước sản xuất: G7 | Gram | 11 |
| 68 | Vật liệu soi mòn trám răng | Vật liệu soi mòn trám răng 5ml Nhóm nước sản xuất: G7 | Tube | 36 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|---|-------------|----------|
| 69 | Vật liệu trám bít hố rãnh và phòng ngừa sâu răng | Vật liệu trám bít hố rãnh và phòng ngừa sâu răng | Ống | 15 |
| 70 | Vật liệu trám bít ống tủy | Vật liệu trám bít ống tủy Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 6 |
| 71 | Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột | Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột Nhóm nước sản xuất: G7 | Hộp | 6 |
| 72 | Vật liệu trám Cortisomol SP hoặc tương đương | Vật liệu trám Cortisomol SP hoặc tương đương Nhóm nước sản xuất: G7 | Gram | 54 |
| 73 | Vít xương 1.5 | Vít Titan xương mid 1.5, dài 6-12mm Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 1,000 |
| 74 | Vít xương đk 2.0 | Vít Titan xương Mini đk 2.0, dài 7mm→12mm Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 3,000 |
| 75 | Vít xương đk 2.0 | Vít Titan xương Mini đk 2.0, dài 6mm Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 1,000 |
| 76 | Vít xương đk 2.4 | Vít Titan xương maxi đk 2.4 dài 8mm, 10mm Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 400 |
| 77 | Vít xương đk 2.4 | Vít Titan xương maxi đk 2.4 dài 12mm, 14mm Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 300 |
| 78 | Vít xương đk 2.4 | Vít Titan xương maxi đk 2.4 dài 20mm Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 100 |
| 79 | Xi măng trám tạm hộp 30g | Xi măng trám tạm hộp 30g Nhóm nước sản xuất: G7 | hộp | 15 |
| 80 | Dây truyền dịch dùng trong máy khoan cắt xương | Dây truyền dịch máy phẫu thuật, chiều dài: 2m2 Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Cái | 100 |
| 81 | Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng | -Kim dẫn đường chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí -Catheter bằng chất liệu polyurethan tương hợp cao, giúp lưu catheter lâu -Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn -Có dây điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, EC. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu, G7 | Bộ | 600 |
| 82 | Bộ dây truyền dịch | Bộ dây truyền dịch Kim số 22G; 23G x 3/4' | Bộ | 8,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|---|-------------|----------|
| 83 | Bộ dây truyền dịch dùng trọng lực | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: chiều dài dây 180cm, 20 giọt/ml, Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm. Màng lọc dịch 15µm. - Chất liệu: PVC, trong suốt, không chứa Latex và DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn. - Van thông khí có màng lọc cấu tạo bằng sợi thủy tinh (Borosilicate), có khả năng lọc vi 99,99% khuẩn, vi rút (Đảm bảo hệ thống kín có nghiên cứu chứng minh ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn và ngăn ngừa sự hóa hơi, được chứng nhận bởi bên thứ 3), van thông khí chịu áp lực đến 0,2 bar. - Có cửa tiêm thuốc an toàn. Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng-mềm. Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock - Bộ điều chỉnh tốc độ với rãnh chữ U, bánh xe/con lăn di chuyển dễ dàng với phạm vi hoạt động con lăn >=23,5 mm có thể chỉnh tốc độ nhỏ giọt thấp (6 lần nhỏ giọt / phút) dễ dàng. Có khe cài dây và cắm đầu nhọn. - Đóng gói kín, từng bộ, được tiệt trùng, - Đạt tiêu chuẩn châu Âu CE MDR: CE 0123 - EN ISO 8536, EN ISO 10993-1, ISO 11607-1, ASTM F2096, EN 556-1 | Cái | 23,000 |
| 84 | Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn | Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường Art-Line có dây nối phụ người lớn, trẻ em. Nhóm nước sản xuất: G7 | Bộ | 170 |
| 85 | Bộ nối dài tiêm tĩnh mạch | Dây nối có các kích thước 30cm. Dây nối không bị xoắn gãy gấp, không bám bọt khí trên dây, có đầu khóa vặn xoắn an toàn chịu áp lực cao, chống rò rỉ, không có chất gây độc DEHP | Sợi | 2,000 |
| 86 | Bơm tiêm 10ml (dùng cho máy bơm tiêm tự động) | Bơm tiêm 10ml (dùng cho máy bơm tiêm tự động hiệu Perfusor Compacts - B-Braun) | Cái | 5,000 |
| 87 | Bơm tiêm 200ml (dùng cho máy CT Scanner 16 lát cắt) | Thẻ tích xylanh 200 ml. Tương thích với máy tiêm thuốc cân quang Nemoto. | Bộ | 60 |
| 88 | Bơm tiêm 20ml (dùng cho máy bơm tiêm tự động) | Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường. Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. | Cái | 200 |
| 89 | Bơm tiêm 50ml dùng cho máy bơm tiêm điện | Bơm tiêm nhựa kèm kim, thể tích 50ml, kim các cỡ, tiêu chuẩn ISO 13485. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 28,800 |
| 90 | Bơm tiêm 60ml (dùng cho máy CT Scanner 16 lát cắt) | Thẻ tích xylanh 60 ml, tương thích với máy tiêm thuốc cân quang Nemoto. | Bộ | 60 |
| 91 | Bơm tiêm cho ăn dùng 1 lần 50ml | Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, dung tích 50ml, đầu to lắp vừa dây cho ăn. Sản phẩm đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 9001, CE. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam, Châu Âu | Cái | 13,000 |
| 92 | Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml | Bơm tiêm 10ml kim số 23 x 1. Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường. Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam, Châu Âu | Cái | 450,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|--|-------------|----------|
| 93 | Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml | Bơm tiêm 1ml kim số 26x1/2". Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường. Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam, Châu Âu | Cái | 60,000 |
| 94 | Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml | Bơm tiêm 20ml kim số 23 x 1. Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường. Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam, Châu Âu | Cái | 300,000 |
| 95 | Bơm tiêm sử dụng một lần 3ml | Bơm tiêm 3ml kim số 23,25. Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường. Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 25,000 |
| 96 | Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml | Bơm tiêm 5ml kim số 23, 25. Đảm bảo liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường. Chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam, Châu Âu | Cái | 730,000 |
| 97 | Catherter 3 nòng | Bộ bao gồm: 1 catheter ,kim luồn,dây dẫn đường ,cây nong,dao mổ,nắp đậy đầu catheter ,bơm tiêm 5ml kích thước 7F X 20cm. Nhóm nước sản xuất: G7 | Bộ | 610 |
| 98 | Catheter tĩnh mạch rón | catheter chất liệu PVC + Dài 37cm, cỡ 3.5 Fr, 4Fr & 5Fr +Tốc độ dòng truyền dịch > 6ml/ phút. | Cái | 500 |
| 99 | Catheter tĩnh mạch trung tâm | 1. Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng các cỡ, catheter chất liệu Polyurethane (PU) tương hợp có độ tương thích sinh học cao (mềm tại nhiệt độ cơ thể), có cân quang (có chắn bức xạ), chống xoắn, không độc, không DEHP, không latex 2. Cỡ 14G 20cm (tốc độ 100ml/phút), 16G 20cm (tốc độ 52ml/phút) 3. Dây dẫn Nitinol (hợp kim Nikel-Titanium) 0.035"X60cm, mềm dẻo, linh hoạt, chống vặn xoắn, chống gãy gập, đầu J giảm tổn thương khi chèn 4. Đầu nối (khóa nối) catheter với khóa luer có van hai chiều tránh nhiễm khuẩn 5. Kim dẫn đường 18GX7cm loại thẳng hoặc có nhánh (Y/V) có van chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí (Catalog, COA, Hình ảnh SP) 6. Bộ đầy đủ: có 2 bơm tiêm 5ml, cây nong bằng nhựa 8FrX9cm, kim tiêm, dao mổ cán nhựa số 11, nắp đậy (đầu nối) Heparin, khóa kẹp, kẹp catheter, khóa kẹp ngăn dòng - Vô trùng EO. Chứng chỉ ISO 134850:2016, MDR, CFS Hà Lan. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Cái | 50 |
| 100 | Dây nối bơm tiêm điện | Đề nối thêm bơm tiêm điện,bằng nhựa y tế,dài 140cm 2,5ml Nhóm nước sản xuất: Châu Âu, Việt Nam | Cái | 18,000 |
| 101 | Dây nối bơm tiêm tự động, không chứa DEHP | Không chứa DEHP, dài >=15cm | Cái | 10 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|---|-------------|----------|
| 102 | Dây nối dài dùng trong truyền dịch, bơm thuốc | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Chiều dài: 140 cm - Đường kính trong: 0.9 mm. Đường kính ngoài: 1.9mm - Thể tích mỗi dịch 1ml - Tốc độ 0.9ml/m : áp lực 2 bar - Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đầu nối Luer Lock, tương thích với các loại đầu tiêu chuẩn, có khóa dừng - Tiệt khuẩn - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 - Đạt tiêu chuẩn châu Âu CE MDR: CE 0123. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 5,050 |
| 103 | Dây truyền dịch 20 giọt/ml | Dây truyền dịch có van 20 giọt/ml. Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Bộ | 313,000 |
| 104 | Dây truyền dịch dùng cho máy đếm giọt | Dây truyền dịch dùng cho máy đếm giọt 180cm có bầu đếm giọt 2 ngăn (cứng- mềm) | Cái | 1,000 |
| 105 | Dây truyền máu | Bộ dây truyền được gói từng cái, bộ dây có bộ lọc máu Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 6,640 |
| 106 | Bộ dây truyền dịch dùng cho máy INFUSOMAT COMPACT hoặc tương đương | <ul style="list-style-type: none"> · Chiều dài: 240 cm, chất liệu PVC. · Bộ lọc chất lỏng 15 µm · Có buồng nhỏ giọt và đầu nối bệnh nhân Luer-Lock · Thể tích lấp đầy: 17.3 ml · Đảm bảo độ chính xác liên tục trong 96h · Có khóa tích hợp trên dây với mã màu và hình dạng hỗ trợ cho việc lắp đặt dây. · Có kẹp chống tuột dịch tại vị trí lắp dây vào máy truyền dịch, kẹp tự động đóng ngăn dịch chảy tự do khi mở cửa bơm. | Sợi | 300 |
| 107 | Kim cánh bướm các số 23G, 25G | Nhựa PVC mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gãy gập, có đầu khóa vặn xoắn Nhóm nước sản xuất: Châu Âu, Châu Á, Việt Nam | Cái | 52,244 |
| 108 | Kim châm cứu 0.25*50mm | Hình thức: Đường kính kim x độ dài kim. Đường kính kim từ: 0.16mm ~ 0.45mm. Độ dài kim từ 50mm. Đạt ISO 01: 2025 Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cây | 100,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|--|-------------|----------|
| 109 | Kim châm cứu 0.30 *25mm | Hình thức: Đường kính kim x độ dài kim. Đường kính kim từ: 0.16mm ~ 0.45mm. Độ dài kim từ 25mm. Đạt ISO 01: 2025. Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cây | 200,000 |
| 110 | Kim châm cứu 0.30*13mm | Hình thức: Đường kính kim x độ dài kim. Đường kính kim từ: 0.16mm ~ 0.45mm. Độ dài kim từ 13mm. Đạt ISO 01: 2025 Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cây | 20,000 |
| 111 | Kim châm cứu 0.30*75mm | Hình thức: Đường kính kim x độ dài kim. Đường kính kim từ: 0.16mm ~ 0.45mm. Độ dài kim từ 75mm. Đạt ISO 01: 2025. Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cây | 150,000 |
| 112 | Kim Chiba hoặc tương đương | Là một kim dùng một lần làm bằng thép không vát mài và mũi kim nhọn. Dài kim từ 50 đến 300mm. | Cái | 12 |
| 113 | Kim chích | Kim chích 26G x 1, 1/2 | Cây | 500 |
| 114 | Kim chích máu đầu ngón tay | Kim mỏng hơn so với kim thường, không gây đau nhói Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cây | 89,940 |
| 115 | Kim chọc dò | Đường kính kim 16G, đường kính ngoài 1,7mm, chiều dài kim 133mm | Cái | 50 |
| 116 | Kim chọc dò các số | đóng gói vô trùng , dùng để chọc dò tủy sống, kích cỡ từ số 18G đến 27G x 3.1/2 Nhóm nước sản xuất: Châu Á, G7 | Cái | 5,700 |
| 117 | Kim chọc dò số 29G | Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài 3 1/2" 29 G, sắc bén. Chuôi kim trong suốt, có cân quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. | Cây | 50 |
| 118 | Kim gai các cỡ | Kim gai các cỡ Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | cây | 600 |
| 119 | Kim gây tê đám rối thần kinh dùng với máy Stimulator, dài 100mm hoặc tương đương | Kim G21 dài 100mm, cách điện, thân kim có chia vạch Chuôi kim trong suốt, có dây nối để bơm thuốc Tương thích với máy kích thích thần kinh Stimuplex Tiêu chuẩn chất lượng: CE MDR, Có tối thiểu 2 CFS của các nước thuộc nhóm G7 và OECD | Cây | 50 |
| 120 | Kim gây tê đám rối thần kinh dùng với máy Stimulator, dài 50mm hoặc tương đương | Kim G22 dài 50mm, cách điện, thân kim có chia vạch Chuôi kim trong suốt, có dây nối để bơm thuốc . Tương thích với máy kích thích thần kinh Stimuplex Tiêu chuẩn chất lượng: CE MDR, Có tối thiểu 2 CFS của các nước thuộc nhóm G7 và OECD | Cây | 50 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------|--|-------------|----------|
| 121 | Kim gây tê tùy sống các cỡ | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thép không gỉ, polycarbonat, polypropylen và chất dính UV Có các cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G - Đầu kim 3 mặt vát, bằng thép không gỉ - Chuôi kim có tích hợp lăng kính phân quang, lăng kính đổi thành màu trong suốt khi dịch não tủy xuất hiện, Kiểu dáng vừa vặn, tức là không có lõi mô (nguy cơ hình thành khối u biểu bì) - không chứa PVC, latex, DEHP. Tiệt trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: có tối thiểu 2 CFS của các nước thuộc nhóm G7 và OECD | Cái | 5,000 |
| 122 | Kim khâu tam giác | Kim khâu tam giác cỡ 9 1/2 | Cái | 1,000 |
| 123 | Kim luồn có cánh có cổng 24G | <ul style="list-style-type: none"> - Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Ống catheter có 2 vạch căn quang làm từ chất liệu PTFE/ Teflon, FEP, PUR nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim có cánh có cổng bơm thuốc bổ xung, dễ dàng mở nắp, có nút chặn đi kèm. - Khoang bảo máu thiết kế trong suốt giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven. - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide). - Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ. - 24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 18ml/ min. - Đạt tiêu chuẩn ISO/13485:2016; CE, FDA Hoa Kỳ. Nhóm nước sản xuất: Châu Mỹ, Châu Á | Cái | 9,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------|---|-------------|----------|
| 124 | Kim lùn tĩnh mạch an toàn | <p>- Kim lùn mạch máu an toàn, có cánh, có cổng</p> <p>- Kim vật liệu thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát có thiết kế mặt cắt sau, tạo vết cắt hình chữ V, nhanh lành và giảm đau cho bệnh nhân khi chích, đầu bảo vệ bằng kim loại tự động kích hoạt khi rút kim.</p> <p>- Catheter vật liệu FEP có 4 vạch cân quang ngầm, không chứa Latex, DEHP.</p> <p>- Đầu catheter không vượt quá mặt vát kim và khoảng cách 0.6 mm.</p> <p>- Cơ chế trào máu 2 lần giúp xác định chính xác kim và catheter đã vào mạch máu, tránh nguy cơ truyền vào mô: lần 1 báo hiệu kim đã vào mạch máu, lần 2 xác định catheter đã nằm trong lòng mạch</p> <p>- Có tấm đệm/ giá đỡ trên catheter để thuận tiện thao tác 1 tay và xác định mặt vát kim.</p> <p>- Cổng tiêm thuốc có nắp đậy bằng PE-LD tương thích và an toàn với tất cả các thuốc. Có van silicone chống trào ngược. Cổng tiêm được thiết kế công thái học, thích hợp trong trường hợp tiêm thường và tiêm tĩnh mạch nhanh (IV bolus). Có thiết kế chống bật nắp bảo vệ cổng tiêm do vô tình trong thời gian lưu kim: nắp bảo vệ có khả năng xoay 180 độ, lực mở khi xoay nắp cao hơn hướng ban đầu</p> <p>- Buồng chứa máu ở chuỗi kim trong suốt để dễ dàng quan sát máu trào ngược, có màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền. Có nắp đậy kim.</p> <p>Kim 18G:</p> <p>- Tốc độ chảy 96ml/phút, Tốc độ chảy 5760 ml/giờ. Có thể chịu áp lực tối đa 325psi</p> <p>- Đường kính trong x đường kính ngoài x độ dài catheter: 1.0mm x 1.3mm x 45mm.</p> <p>Kim 20G:</p> <p>- Tốc độ chảy 61ml/phút, Tốc độ chảy 3660 ml/giờ. Có thể chịu áp lực tối đa 325psi</p> <p>- Đường kính trong x đường kính ngoài x độ dài catheter: 0.8mm x 1.1mm x 33mm</p> <p>Kim 22G:</p> <p>- Tốc độ chảy 36ml/phút, Tốc độ chảy 2160 ml/giờ. Có thể chịu áp lực tối đa 325psi</p> <p>- Đường kính trong x đường kính ngoài x độ dài catheter: 0.6mm x 0.9mm x 25mm</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016</p> <p>- Chứng nhận châu Âu CE MDR: CE 0123 Nhóm nước sản xuất: G7</p> | Cái | 26,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|---|-------------|----------|
| 125 | Kim luân tĩnh mạch an toàn không có cổng tiêm thuốc | <p>Kim luân tĩnh mạch 24G có cánh không cổng tiêm thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Catheter nhựa: FEP-Teflon, 4 đường cân quang ngầm - Chiều dài catheter 19mm, đường kính 0,7mm, tốc độ dòng chảy 22ml/phút. Tốc độ chảy khi bơm áp lực cao 1320ml/giờ. Thể tích mỗi 0,093ml hoặc tương đương - Đầu kim dẫn đường 3 mặt vát (1 mặt vát trên hai mặt vát dưới tạo độ sắc và tạo vết cắt trên da hình chữ V giúp mau lành vết đâm) - Có đầu bảo vệ bằng kim loại tự động kích hoạt bao phủ toàn bộ đầu kim ngay khi rút kim ra khỏi thân kim luân - Đầu catheter không vượt quá mặt vát kim và khoảng cách không vượt quá 0.4mm (độ dài càng nhỏ, càng dễ luân kim, lực tác động tối ưu và độ xuyên da dễ dàng, ít đau) - Cơ chế trào máu 2 lần giúp xác định chính xác kim và catheter đã vào đúng mạch - Chịu được áp lực đến 325psi - Buồng trào máu ở chuôi kim trong suốt để quan sát khi lấy ven thành công, có màng kỵ nước ngăn máu tràn ra ngoài khi thiết lập đường truyền. Tương thích với các đầu nối dây truyền, dây nối. - Nút đẩy ở đuôi kim dễ tháo rời - Đầu khóa Luer - Có chứng nhận FDA, CE, ISO 13485:2016. - Nhà máy đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016. | Cái | 1,600 |
| 126 | Kim luân tĩnh mạch các số | <p>Kim luân tĩnh mạch G18,G20,G22. Kim được chế tạo từ thép rất sắc, siêu mỏng dễ dàng đâm xuyên qua tĩnh mạch mà không gây tổn thương mạch máu, một ống nhựa silicon bao phủ bên ngoài có tính đàn hồi cao, không bị gãy gập, cánh nhựa được thiết kế mềm dẻo, van đóng mở thuận tiện cho việc tiêm truyền để đưa thuốc vào cơ thể</p> <p>Nhóm nước sản xuất: Châu Á, G7, Châu Âu</p> | Cái | 120,000 |
| 127 | Kim luân tĩnh mạch các số | <ul style="list-style-type: none"> - Kim tam giác thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Ống catheter có 2 vạch cân quang làm từ chất liệu PTFE/ Teflon, FEP, PUR nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim có cánh có cổng bơm thuốc bổ xung, dễ dàng mở nắp, có nút chặn đi kèm. - Khoang bảo máu thiết kế trong suốt giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven. - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide). - Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ. - 18G: Ø (1.3 x 45) mm; Flow/ Rate 85ml/ min | Cái | 130,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------|---|-------------|----------|
| 128 | Kim luồn tĩnh mạch ngoại biên | <p>Cỡ kim (Gauge): 24G (thường có màu vàng).</p> <p>Kích thước kim (Đường kính x Dài): 0.7mm x 19mm (hoặc 3/4 inch).</p> <p>Chất liệu Catheter: FEP (Ethylene tetrafluoroethylene) – bền, dẻo, không chứa latex/PVC.</p> <p>Chất liệu kim: Thép không gỉ mạ Crôm-Niken.</p> <p>Thiết kế: Đầu kim vát 3 cạnh, có cánh (winged), thân kim trong suốt để dễ nhận biết máu.</p> <p>Tính năng an toàn: Cơ chế bảo vệ kim tự động sau khi sử dụng (Safety).</p> <p>Tốc độ chảy: Khoảng 35ml/phút (tùy cỡ).</p> | Cái | 100 |
| 129 | Kim luồn ven 24G | <p>Kim luồn ven 24G. Kim được chế tạo từ thép rất sắc, siêu mỏng dễ dàng đâm xuyên qua tĩnh mạch mà không gây tổn thương mạch máu, một ống nhựa silicon bao phủ bên ngoài có tính đàn hồi cao, không bị gãy gập, cánh nhựa được thiết kế mềm dẻo, van đóng mở thuận tiện cho việc tiêm truyền để đưa thuốc vào cơ thể</p> | Cái | 21,250 |
| 130 | Kim luồn ven 24G | <ul style="list-style-type: none"> - Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Ống catheter có 2 vạch cân quang làm từ chất liệu PTFE/ Teflon, FEP, PUR nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim có cánh có công bơm thuốc bổ xung, dễ dàng mở nắp, có nút chặn đi kèm. - Khoang bảo máu thiết kế trong suốt giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven. - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide). - Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ. - 24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 18ml/ min. - Đạt tiêu chuẩn ISO/13485:2016; CE, FDA Hoa Kỳ | Cái | 25,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------|--|-------------|----------|
| 131 | Kim luân Tĩnh mạch | <ul style="list-style-type: none"> - Kim có đầu bảo vệ an toàn bằng kim loại dạng 2 cánh tay tròn vát chéo. - Kim làm bằng cốt thép không gỉ tráng silicone, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Ống catheter có 4 vạch cân quang làm từ chất liệu PTFE/ Teflon, FEP, PUR nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim với khoảng cách tối ưu giúp việc chuyển tiếp từ kim sang ống trơn tru. - Kim có cánh có công bơm thuốc bổ xung, nắp đậy dạng bật rẽ dẹt, có nút chặn đi kèm. - Khoang bảo máu thiết kế trong suốt giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven, màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền. - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide). - Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ.. - 18G; Ø (1,3 x 45) mm; Flow/ Rate 96ml/ min. - 20G; Ø (1,1 x 33) mm; Flow/ Rate 61ml/ min. - 22G; Ø (0,9 x 25) mm; Flow/ Rate 36ml/ min. - Đạt tiêu chuẩn ISO/13485:2016; CE, FDA Hoa Kỳ. | Cái | 24,000 |
| 132 | Kim nha khoa dài | Kim nha khoa Dài Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 500 |
| 133 | Kim nha khoa ngắn | Kim nha khoa ngắn 27G x 13/16 (0.40 x 21mm) Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 4,000 |
| 134 | Kim tê nha 27G các cỡ | Kim tê nha 27G các cỡ Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 4,000 |
| 135 | Kim tê nha 30G các cỡ | Kim tê nha 30G các cỡ Nhóm nước sản xuất: G7 | Cây | 500 |
| 136 | Kim tiêm nhựa dùng 1 lần các số | đóng gói vô trùng (18G, 20G, 23G, 25G) x 1.1/2 Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cây | 600,000 |
| 137 | Nút chặn kim luân có công kích thuốc | Nút chặn kim luân có công kích thuốc | Cái | 1,000 |
| 138 | Kim luân tĩnh mạch an toàn | <ul style="list-style-type: none"> Kim luân mạch máu an toàn, có cánh, có công - Kim vật liệu thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát có thiết kế mặt cắt sau, tạo vết cắt hình chữ V, nhanh lành và giảm đau cho bệnh nhân khi chích, đầu bảo vệ bằng kim loại tự động kích hoạt khi rút kim. - Catheter vật liệu FEP có 4 vạch cân quang ngầm, không chứa Latex, DEHP. - Đầu catheter không vượt quá mặt vát kim và khoảng cách 0.6 mm. | Cây | 8,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------------|---|-------------|----------|
| 139 | Kim đặt huyết áp động mạch xâm lấn | <p>G18-G20 Catheter động mạch 18Ga dài 8cm hoặc 12cm * Thiết kế có sleeve (ống đỡ) ở đầu ra catheter giúp chống gãy gập khi lưu lâu ọi. * Tốc độ dòng 18Ga x 8cm (66.2ml/phút); 18Ga x 12cm (53.3ml/phút) * Đóng gói đầy đủ phụ kiện + Guide wire đầu J 0.035"x 50cm + Kim dẫn thẳng 18Ga x 7cm + Bơm tiêm 5cc + Khóa 3 ngã + Dao mổ Catheter động mạch 20Ga dài 4,5cm hoặc 8cm * Thiết kế có sleeve (ống đỡ) ở đầu ra catheter giúp chống gãy gập khi lưu lâu . * Tốc độ dòng 20G x 4.5cm (23ml/phút); 20G x 8cm (18ml/phút) * Đóng gói đầy đủ phụ kiện + Guide wire đầu thẳng 0.021"x 20cm + Kim dẫn thẳng 20Ga x 4cm + Bơm tiêm 5cc + Khóa 3 ngã + Dao mổ * Đạt chứng nhận hợp chuẩn châu Âu</p> | Cái | 500 |
| 140 | Bộ dây chạy thận nhân tạo | <ul style="list-style-type: none"> - Dây được làm bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không Pyrogenic, không Latex. Tổng chiều dài dây: dây tĩnh mạch 2725mm, dây động mạch 3685mm. Thể tích môi: 165ml - Bầu máu có cổng tiêm thuốc linh hoạt. Kích thước bầu: 4.7x 7.0x 25mm. - Có túi Pillow ở dây động mạch, giúp phát hiện thiếu máu động mạch. - Kích cỡ dây phân tiếp xúc bơm máu (đường kính trong x đường kính ngoài x chiều dài): 8,25 x 12,55 x 410mm - Phù hợp với hầu hết các máy chạy thận - Đạt tiêu chuẩn EC, ISO 13485:2016. Nhóm nước sản xuất: G7 | cái | 35,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------|--|-------------|----------|
| 141 | Bộ quả lọc máu liên tục | <p>"Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: * Chất liệu: - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và Sodium Methallyl sulfonat copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Áp lực tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,9m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 75-400 ml/phút - Thể tích nhồi máu (chỉ ở quả lọc): 66ml $\pm 10\%$ - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu 30kg" TCCL: ISO 13485; Nhóm nước sản xuất: G7</p> | Bộ | 70 |
| 142 | Kim chạy thận nhân tạo | <ul style="list-style-type: none"> - Kim làm bằng thép không gỉ. - Kim có cánh định vị cánh xoay hoặc không xoay với màu xanh(16G), màu cam(17G), đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, phủ silicon giúp lấy ven dễ dàng, giảm đau. - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. - Mặt sau có lỗ backeye(duy trì dòng chảy liên tục). - 16G[1.65X25mm], 17G[1.47X25mm]. - Chiều dài kim : 25mm. - Chiều dài dây gắn với kim : 300mm. - Đường kính ngoài O.D: 5.5 đường kính trong I.D: 3.5. - Flow/ Rate: 200ml/min. - Có khóa chặn dòng tức thì khi trong trường hợp khẩn cấp. - Khử trùng bằng khí EO (Ethylene Oxide). - Đạt tiêu chuẩn ISO/13485:2016; CE Có tối thiểu 01 CFS thuộc châu âu. | cái | 70,000 |
| 143 | Nút đập màng lọc | Nút đập màng lọc Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 10,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------|---|-------------|----------|
| 144 | Quả lọc thận nhân tạo | Quả lọc thận nhân tạo 19L hoặc tương đương Diện tích màng: 1,9m ² *Chất liệu màng: Polyethersulfone * KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc): ≥ 24 - Độ dày màng (μm): 40 - Đường kính trong (μm): 200 - Áp suất xuyên màng tối đa (mmHg): 500 - Qb = 200 ml/phút, Qd = 500 ml/phút, độ thanh thải (ml/phút): 10ml/phút, Urea: 193, Creatinine: 186, Phosphate: 184, Vitamin B12: 130 - Tiệt trùng: Gamma Rays Tiêu chuẩn: ISO 13485; EC | Cái | 7,000 |
| 145 | Que thử hóa chất tồn dư rửa màng lọc | Que thử hóa chất tồn dư rửa màng lọc Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Que | 400 |
| 146 | Que thử nồng độ hóa chất rửa màng lọc | Que thử nồng độ hóa chất rửa màng lọc Nhóm nước sản xuất: G7 | Que | 400 |
| 147 | Quả lọc thận nhân tạo (Lowflux) | * Diện tích màng: 1,9m ² * Chất liệu màng: Polyethersulfone, chất liệu vỏ PC * KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc): ≥ 24 - Tiêu chuẩn: ISO 13485; EC. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Cái | 1,800 |
| 148 | Quả lọc thận nhân tạo (Highflux) | * Diện tích màng: 1,9m ² * Chất liệu màng: Polyethersulfone, chất liệu vỏ PC * KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc) : ≥ 75 - Tiêu chuẩn: ISO 13485; EC. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Cái | 1,800 |
| 149 | Quả lọc dịch | * Diện tích màng: Khoảng 1,8m ² -2,2m ² hoặc $\geq 2,1\text{m}^2$ * Chất liệu màng: Polysulfone hoặc tương đương; Chất liệu vỏ bọc: Polypropylene hoặc tương đương và phải tương thích với máy Fresenius 4008S của bệnh viện. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Cái | 120 |
| 150 | Băng đạn | Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng 60mm, có 88 kim, tạo thành 6 hàng kim, màu trắng/xanh dương/ vàng/ xanh lá cây, kim đóng 1.0/ 1.5/ 1.8/ 2.0 mm, kim bằng Titanium Alloy. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 150 |
| 151 | Băng đạn | Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng 75mm mở mở loại mới, công nghệ kim 3D, 6 hàng kim, kim bằng Titanium Alloy. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 150 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|--|-------------|----------|
| 152 | Bộ dụng cụ khâu cắt nối vòng điều trị bệnh trĩ | Bộ dụng cụ khâu cắt nối vòng điều trị bệnh trĩ, đường kính đầu 33mm, đường kính dao 24,4mm, 28 ghim titanium alloy, chân ghim 4mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh 0,75-1,5mm (1 cái (chiếc)/ hộp). Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 100 |
| 153 | Bộ gây tê ngoài màng cứng, catheter bằng polyamid và polyurethane, đầu catheter thuôn nhỏ dần | - Chất liệu: Catheter bằng polyamid và polyurethan. - Kim đầu cong G18 dài 3 ¼", Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0,2 micron. - Có bơm giảm kháng lực giúp xác định khoang màng cứng. - Thiết kế đầu catheter thuôn nhỏ dần, có đường cân quang ngầm, có 6 lỗ thoát thuốc - Đầu nối catheter dạng nắp bật. Màng lọc có miếng dán cố định lọc. Có đầy đủ bơm và kim tiêm thuốc. bơm tiêm Perifix L.O.R (bơm tiêm test sức cân giúp xác định khoang ngoài màng cứng dễ dàng và chính xác), 1 bơm tiêm Omnifix 2 ml, 1 bơm tiêm Omnifix 20ml kim tiêm thuốc : 1 kim Sterican 21G 0.8*40 mm, 1 Sterican 18G 1.2*40mm, 1 Sterican 25G 0.5*16mm - Tiêu chuẩn chất lượng : CE (Châu Âu), có tối thiểu 2 CFS của các nước thuộc nhóm G7 và OECD | Bộ | 100 |
| 154 | Catheter dẫn lưu đường mật qua da có khóa | Bao gồm: * 01 pigtail phủ hydrophilic có khóa string-lock * Kích cỡ: 6F, 8F, 10F, 12F, 14F * Chất liệu: polyurethane * 01 kim dẫn đường trocar stylet * 01 kim chọc trocar needle * 01 bộ duỗi thẳng pigtail spit straightener) | Bộ | 50 |
| 155 | Clip kẹp mạch máu số 10 | clip kẹp mạch máu đk>= 5-10mm,các cỡ chất liệu polymer tương hợp sinh học.khóa tròn lồi gắn vào ngầm kèm kẹp clip,bóp khóa kêu rõ.khớp linh hoạt giúp lấy clip dễ dàng,răng được thiết kế dọc theo clip và ụ tròn chống trượt.tiết khuẩn bằng Eto | cái | 216 |
| 156 | Clip kẹp mạch máu số 100 | clip mạch máu cỡ 100 dùng để kẹp mạch máu trong phẫu thuật mổ mở và nội soi,kim bằng titanium,vĩ bằng nhựa màu đỏ,tương thích với kẹp clip | cái | 120 |
| 157 | Clip kẹp mạch máu số 200 | clip mạch máu cỡ 200 dùng để kẹp mạch máu trong phẫu thuật mổ mở và nội soi,kim bằng titanium,vĩ bằng nhựa màu xanh da trời,tương thích với kẹp clip | cái | 216 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------|---|-------------|----------|
| 158 | Clip mạch máu cỡ lớn | Clip kẹp mạch máu cỡ lớn Ligaclip, dùng để kẹp mạch máu trong phẫu thuật mổ nội soi. - Kim bằng Titanium, vĩ bằng nhựa màu xanh lá. - Độ mở clip 7,5mm, chiều dài clip khi đóng 12,26mm - Tương thích với kim kẹp đơn nội soi Ligaclip - Tiêu chuẩn: CE/ISO | Cái | 324 |
| 159 | Clip mạch máu cỡ trung | Clip kẹp mạch máu cỡ trung bình Ligaclip, dùng để kẹp mạch máu trong phẫu thuật mổ nội soi. - Kim bằng Titanium, vĩ bằng nhựa màu xanh lá. - Độ mở clip 6,4mm, chiều dài clip khi đóng 8,99mm - Tương thích với kim kẹp đơn nội soi Ligaclip cỡ trung bình - Tiêu chuẩn: CE/ISO | Cái | 324 |
| 160 | Dao siêu âm | Dao siêu âm với Công nghệ thích ứng mô, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 23cm, tương thích với dây dao màu xám và máy phát chính GEN11 hoặc tương đương. Sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HP054, dùng trong mổ hở, có công nghệ thích ứng mô và có chống dính. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 18 |
| 161 | Dao siêu âm | Dao siêu âm với Công nghệ thích ứng mô, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 36cm, tương thích với dây dao màu xám và máy phát chính GEN11 hoặc tương đương. Sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HP054, dùng trong mổ nội soi, có công nghệ thích ứng mô và có chống dính. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 18 |
| 162 | Dao siêu âm mổ mở | Dao siêu âm mổ mở với Công nghệ thích ứng mô, cán dài 17cm, tương thích với dây dao xanh và máy phát chính GEN11 hoặc tương đương. Sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HPBLUE, dùng trong mổ trĩ, mổ dạ dày, có công nghệ thích ứng mô. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 36 |
| 163 | Dao siêu âm mổ mở | Dao siêu âm mổ mở với Công nghệ thích ứng mô, cán dài 17cm, tương thích với dây dao xám và máy phát chính GEN11 hoặc tương đương. Sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HPBLUE, dùng trong mổ trĩ, mổ dạ dày, có công nghệ thích ứng mô. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 36 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|--|-------------|----------|
| 164 | Dây nối dao siêu âm loại HPBLUE hoặc tương đương | Dây dao HPBLUE hoặc tương đương được thiết kế để chuyển đổi năng lượng điện từ Máy phát chính (GEN11) hoặc tương đương, tương thích sang chuyển động cơ học của lưỡi dao dụng cụ, thực hiện được tối thiểu 50 lần phẫu thuật (1 cái (chiếc)/ hộp). Bộ phận tạo ra sóng siêu âm, kết nối giữa máy phát Harmonic và dao siêu âm. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 1 |
| 165 | Dây nối dao siêu âm loại HP054 hoặc tương đương | Dây dao HP054 hoặc tương đương được thiết kế để chuyển đổi năng lượng điện từ Máy phát chính (GEN11) hoặc tương đương, tương thích sang chuyển động cơ học của lưỡi dao dụng cụ; thực hiện được tối thiểu 50 lần phẫu thuật (1 cái (chiếc)/ hộp). Bộ phận tạo ra sóng siêu âm, kết nối giữa máy phát Harmonic và dao siêu âm. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 1 |
| 166 | Dụng cụ khâu nối tròn | Dụng cụ khâu nối tròn 29mm, đường kính lòng cắt 20.4 mm, điều chỉnh chiều cao kim đồng từ 1 mm - 2.5 mm. Kim bằng titanium. Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler các loại, các cỡ (bao gồm cả bộ đầu dò Doppler động mạch búi trĩ). Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 30 |
| 167 | Dụng cụ khâu thẳng | Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mở hờ 75mm, loại mới, có nút điều chỉnh chiều cao kim cho mô trung bình, dày & rất dày, 6 hàng kim, công nghệ kim 3D, kim đồng từ 1.5-2.0mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 9 |
| 168 | Dụng cụ khâu thẳng | Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng 60mm, cán dài 34cm, gập góc 45 độ, đe bằng thép đúc không gỉ, dao hình chữ C làm bằng thép đúc 400 không rỉ, công nghệ 3 điểm tiếp xúc. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 9 |
| 169 | Mảnh lưới dùng trong thoát vị | Mảnh lưới dùng trong thoát vị 10cmx15cm | Miếng | 200 |
| 170 | Mảnh lưới dùng trong thoát vị | Mảnh lưới dùng trong thoát vị 10cmx15cm (mỡ nội soi) | Miếng | 200 |
| 171 | Mảnh lưới dùng trong thoát vị | Mảnh lưới dùng trong thoát vị 5cmx10cm | Miếng | 100 |
| 172 | Sonde quã bí các số | hình dạng đầu ống như hình quả bí, ống mềm mại, không độc hại. Có số 18 đến 22, ống đã được bọc trong gói vô trùng | Cái | 100 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|--|-------------|----------|
| 173 | Trocar nhựa | Trocar nhựa 5 mm, không dao, tách cơ không cắt cơ, dài 100 mm, nòng ngoài có rãnh cố định. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 6 |
| 174 | Trocar nhựa | Trocar nhựa xcel 12 mm, không dao, tách cơ không cắt cơ, dài 100 mm, nòng ngoài có rãnh cố định. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC, FDA | Cái | 6 |
| 175 | Túi dẫn lưu đường mật | Gồm: * 01 túi dùng chứa dịch * Kích cỡ: 800ml * Chất liệu: medical PVC | Cái | 50 |
| 176 | Dao siêu âm không dây đầu cong Sonicision các cỡ | Tay dao siêu âm không dây, đường kính 5mm, lưỡi dao 14.5mm, kích thước từ 13cm - 39cm. Tương thích với bộ dao siêu âm không dây Nhóm nước sản xuất: Châu Âu. Đạt tiêu chuẩn ISO/13485:2016; CE; FDA | cái | 6 |
| 177 | Tay dao hàn mạch mô mở hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 21cm | Chiều dài dụng cụ 21cm - Chiều dài ngàm dao hàn mạch: 20.6 mm - Chiều dài ngàm dao cắt: 19.8 mm - Hình dạng ngàm dao: cong 40 độ - Tương thích với các hệ thống máy Valleylab - Tiêu chuẩn CFG FDA (cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ) Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 6 |
| 178 | Tay dao hàn mạch mô mở hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 23cm | - Đường kính 5mm, chiều dài 23cm - Chiều dài ngàm dao hàn mạch 20.3mm - Chiều dài ngàm dao cắt 18.5mm - Hình dạng ngàm dao cong 22 độ - Ngàm dao phủ lớp nano - coating - Hàm có kết cấu điểm chặn bằng sứ - Nhiệt độ ngàm dao dưới 60 độ C sau mỗi lần kích hoạt - Tương thích với các hệ thống máy Valleylab - Tiêu chuẩn CFG FDA (cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ) Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 6 |
| 179 | Tay dao hàn mạch mô nội soi hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 37cm | - Đường kính 5mm, chiều dài 37cm - Chiều dài ngàm dao hàn mạch 20.3mm - Chiều dài ngàm dao cắt 18.5mm - Hình dạng ngàm dao cong 22 độ - Ngàm dao phủ lớp nano - coating - Hàm có kết cấu điểm chặn bằng sứ - Nhiệt độ ngàm dao dưới 60 độ C sau mỗi lần kích hoạt - Tương thích với các hệ thống máy Valleylab - Tiêu chuẩn CFG FDA (cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ) Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 6 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|---|-------------|----------|
| 180 | Bộ dao mổ siêu âm Sonicision đầu cong kèm các linh kiện theo dao (Đầu phát, Pin, Khay hấp tiệt trùng, Dụng cụ hỗ trợ lắp pin) | Bộ dao mổ siêu âm bao gồm: 1 máy phát sóng siêu âm không dây sử dụng nhiều lần, 1 pin sạc sử dụng nhiều lần, 1 khay sạc pin, 1 khay hấp tiệt trùng, 2 dụng cụ thay lắp pin. Tương thích tay dao siêu âm không dây cùng hãng Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Bộ | 1 |
| 181 | Ống kính nội soi mềm tiêu hóa | Thông số kỹ thuật: Quy cách: Đầu xa bên ngoài đường kính:5.5mm(16.5Fr) Kênh làm việc đường kính: 2.4mm(7.2Fr) Chiều dài làm việc (phần chèn): 380mm Góc uốn: Uốn lên 2100 / Uốn xuống 180o Góc nhìn: 110o Độ sâu trường ảnh: 5mm- 100mm Cấu trúc xương rắn kim loại Có kênh hút sỏi Tiêu chuẩn: CE | Cái | 20 |
| 182 | Vỏ que nong | Isheath, trên thân có vạch chia độ dài để thuận tiện cho việc đo kích thước Các cỡ: 14Fr, 16Fr, 18Fr Tiêu chuẩn: FDA Xuất xứ: G7 | Cái | 20 |
| 183 | Bộ mở thận qua da | Ống thông mở thận ra da loại J bộ đầy đủ bao gồm: - Ống thông mở thận ra da size 8/10/12/14 Fr, dài 30 cm. - Ống nối (12Fr hoặc 16Fr). - Kim chọc dò 18 G. - Kim Chiba 22 G. - Bộ nong thận. - Lưỡi dao. - Dây dẫn đường có đầu cong dạng chữ J, cỡ 0.035". - Kẹp cố định dạng cánh. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Bộ | 100 |
| 184 | Bộ trocar mở bàng quang ra da | Bộ dụng cụ bao gồm tất cả các phụ kiện giúp dễ dàng đưa vào và dẫn lưu hệ thống đóng kín sau phẫu thuật. Bộ mở bàng quang ra da với ống thông silicon 2 nhánh, vỏ cannula nhựa mở bàng quang ra da có thể tách rời, bọc phía ngoài cây nong và trocar bằng thép không gỉ được cung cấp với ống thông Foley silicon hai nhánh. Ống nối ngoài (dùng hỗ trợ xé) của cannula có đánh dấu mã màu. Bộ mở bàng quang ra da với ống thông silicon hai nhánh bao gồm: Ống thông foley silicon hai nhánh cỡ 16 Fr/18 Fr/20 Fr. Cannula nhựa mở bàng quang ra da có thể tách được. Lưỡi dao mổ #11. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Bộ | 30 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------|---|-------------|----------|
| 185 | Guide Wire Hydrophilic (dây dẫn) | - Kích cỡ: 0.032", 0.035", 0.038" - Chiều dài : 150cm - Chất liệu: lõi nitinol chống xoắn, phủ lớp Hydrophilic - Thiết kế linh hoạt đầu thẳng và mềm - Hạn sử dụng: 60 tháng - Đóng gói đơn chiếc, tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và Châu Âu (CE) Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 40 |
| 186 | Guide Wire HybriGlide (dây dẫn) | - Kích cỡ: 0.032", 0.035" - Chiều dài: 150cm - Chất liệu: Nitinol phủ PTFE, tip phủ Hydrophilic - Tip: Đầu thẳng, mềm - Thiết kế sọc vàng, đen chạy dài trên thân ống, giúp dễ quan sát trên X-quang - Hạn sử dụng: 60 tháng - Đóng gói đơn chiếc, tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và Châu Âu (CE) Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 100 |
| 187 | Rọ lấy sỏi niệu quản | Chất liệu thân rọ bằng nithinol; ĐK: 3Fr, 4Fr, dài 90cm; 4 dây. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 120 |
| 188 | Sonde JJ | Ống thông JJ được làm từ chất liệu Polyurethane có chứa chất cản quang để tăng khả năng hiển thị trên dưới tia X hoặc siêu âm. Ống thông JJ được bố trí các lỗ trên suốt chiều dài ống và có 2 đầu mở, được làm cong hình chữ J, dùng trong can thiệp tiết niệu. Tiệt trùng bằng khí Ethylen oxide (EO), sản phẩm chỉ sử dụng một lần. Đường kính dây: 3 Fr; 3.5 Fr; 3.7 Fr; 4 Fr; 4.5 Fr; 4.7 Fr; 5 Fr; 6 Fr; 6.5 Fr; 7 Fr; 8 Fr Chiều dài dây: 8cm, 10cm, 12cm, 14cm, 16cm, 18cm, 20cm, 22cm, 24cm, 26cm, 28cm, 30cm Độ cứng: loại tiêu chuẩn Thời gian đặt ống thông trong cơ thể tối đa 29 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 | Cái | 1,500 |
| 189 | Stent niệu quản | Stent niệu quản - sondle JJ hoặc tương đương (Sử dụng cho 9-12 tháng) Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 100 |
| 190 | Guide Wire M hoặc tương đương | Guide Wire M loại tiêu chuẩn. Dây dẫn nitinol ưa nước được phủ bằng polyurethane có chứa wolfram và phủ lớp polyme ưa nước, đường kính dây dẫn 0.035 inch. Chiều dài 150 cm, chiều dài linh hoạt xa 3cm, đường cong xa hình chữ J 3cm | Cái | 50 |
| 191 | Dây dẫn guide wire | Dây dẫn đường EZPass làm từ lõi Nitinol (giúp tạo nên tính đàn hồi chống gấp khúc), có dạng vằn (zebra) màu xanh/đen. 15cm phần đầu mềm được bọc bởi lớp polyurethane chứa chất cản quang và phủ lớp ưa nước cho khả năng bôi trơn tuyệt vời. Phần còn lại của dây dẫn là được bọc một lớp PTFE dạng vằn để đảm bảo dây có độ trơn tốt và có khả năng hiển thị tốt dưới ống nội soi. - Có các cỡ: 0.032"; 0.035"; dài 150cm, đầu thẳng Đạt tiêu chuẩn ISO13485 Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cái | 140 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------|--|-------------|----------|
| 192 | Rọ lấy sỏi niệu (ống soi mềm) | Bao gồm: Rọ, bộ ống ngoài, tay cầm và đầu dẫn hướng - Rọ lấy sỏi được cấu tạo từ chất liệu hợp kim niken-titan - Bộ ống ngoài cấu tạo từ polytetrafluoroethylen, thép không gỉ 304 và polyimide - Tay cầm được làm bằng polytetrafluoroethylene và copolyme acrylonitrile-butadiene-styrene - Đầu dẫn hướng làm từ Polycarbonate - Kích cỡ: 1.9 Fr - Chiều dài: 1300mm - Thiết kế đầu rọ tròn, 4 dây - Tay cầm linh hoạt có thể tháo lắp được, dễ dàng thao tác bằng một tay - Hạn sử dụng: 36 tháng - Đóng gói đơn chiếc, tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và Châu Âu (EU) Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 50 |
| 193 | Rọ bắt sỏi 2.5 | - Kích cỡ: 2.5Fr - Đường kính mở của rọ: 15mm - Chiều dài: 120cm, loại 4 dây - Chất liệu: Nitinol - Thiết kế tay cầm linh hoạt có thể tháo lắp được, dễ dàng thao tác bằng một tay - Hạn sử dụng: 60 tháng - Đóng gói đơn chiếc, tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và Châu Âu (CE) | Cái | 20 |
| 194 | Ống thông niệu quản (Sonde niệu quản) | * Bao gồm: Ống thông niệu quản và đầu nối Luer tiêu chuẩn được sử dụng để bơm chất lỏng - Thân ống có vạch chỉ thị sắc nét, độ phóng xạ tốt, dễ dàng quan sát qua tia x-quang - Kích thước: 6Fr, 7Fr - Chất liệu: Ống thông niệu quản làm bằng polyurethane - Chiều dài: 70cm - Loại: đầu mở, đầu mềm, đầu mở hình nón, đầu mở thon, đầu đóng - Hạn sử dụng: 60 tháng - Đóng gói đơn chiếc, tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và Châu Âu (CE) | Cái | 30 |
| 195 | Que dẫn laser 100 W | Dây tán laser cỡ 272 μ m loại dùng nhiều lần với chuẩn chân cắm SMA, sử dụng với máy phát laser Holmium có bước sóng từ 800-2100 nm, chiều dài của dây tán 3m, bán kính cong tối thiểu của dây 10 mm Sử dụng tương thích với máy tán sỏi Jena Surgical Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Cái | 10 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|---|-------------|----------|
| 196 | Que dẫn laser 100 W | Dây tán laser cỡ 550 µm loại dùng nhiều lần với chuẩn chân cắm SMA, sử dụng với máy phát laser Holmium có bước sóng từ 800-2100 nm, chiều dài của dây tán 3m, công suất sử dụng tối đa 1520,5 W, bán kính cong tối thiểu của dây 60 mm Sử dụng tương thích với máy tán sỏi Jena Surgical Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Cái | 10 |
| 197 | Que dẫn laser 100 W | Dây tán laser cỡ 800µm loại dùng nhiều lần với chuẩn chân cắm SMA, sử dụng với máy phát laser Holmium có bước sóng từ 800-2100 nm, chiều dài của dây tán 3m, công suất sử dụng tối đa 3215,4 W, bán kính cong tối thiểu của dây 88 mm Sử dụng tương thích với máy tán sỏi Jena Surgical. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Cái | 5 |
| 198 | Gía đỡ niệu quản | - Kích cỡ: 10Fr/12Fr; 11Fr/13Fr; 12Fr/14Fr; 13Fr/15Fr; 14Fr/16Fr - Chiều dài: 35cm - Đóng gói đơn chiếc, tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 | Cái | 50 |
| 199 | Gía đỡ niệu quản | - Kích cỡ: 10Fr/12Fr; 11Fr/13Fr; 12Fr/14Fr; 13Fr/15Fr; 14Fr/16Fr - Chiều dài: 45cm - Đóng gói đơn chiếc, tiệt trùng bằng Ethylene Oxide (EO) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. | Cái | 50 |
| 200 | Điện cực cắt đốt dạng vòng, lưỡng cực | 0.3 mm, dùng với vỏ 24/26 Fr. Loại sử dụng một lần. Dùng với bộ dụng cụ cắt đốt Tiền Liệt Tuyến lưỡng cực, tương thích theo máy Endocam Logic HD hiện có tại bệnh viện. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Cái | 12 |
| 201 | Điện cực đốt bốc hơi u xơ tiền liệt tuyến bằng lưỡng cực (BiVAP) | Dùng với vỏ 24/26 Fr. Loại sử dụng một lần. Dùng với bộ dụng cụ cắt đốt Tiền Liệt Tuyến lưỡng cực, tương thích theo máy Endocam Logic HD hiện có tại bệnh viện. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Cái | 6 |
| 202 | Điện cực cầm máu, lưỡng cực | 1.2 mm, dùng với vỏ 24/26 Fr. Loại sử dụng một lần. Dùng với bộ dụng cụ cắt đốt Tiền Liệt Tuyến lưỡng cực, tương thích theo máy Endocam Logic HD hiện có tại bệnh viện. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Cái | 2 |
| 203 | Cán dao mổ các số | Cán dao mổ các số. Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 20 |
| 204 | Chi khâu xương bánh chè | Chi được làm bằng thép không gỉ (Patella Set) số 7 khâu xương bánh chè, dài 60 cm, kim tam giác 1/2c, dài 120 mm, an toàn khi cấy ghép vào cơ thể người. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi vuốt nhọn UltraGlyde Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN | Tép | 432 |
| 205 | Chi không tan tổng hợp 3/0 | Chi không tan tổng hợp (Nylon đa sợi) số 3/0 khâu sọ não, 6 sợi x 35 cm, kim tròn 1/2c, dài 17 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN | Tép | 72 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------|--|-------------|----------|
| 206 | Chi không tan tổng hợp đơn sợi | Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 19mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 9.81N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài - Direct Depense Packaging (DDP). Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO. | Tép | 120 |
| 207 | Chi không tan tổng hợp đơn sợi | Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 19mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 9.81N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài - Direct Depense Packaging (DDP). Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO. Nhóm nước sản xuất: G7 | Tép | 756 |
| 208 | Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 2/0 | <p>Chi khâu phẫu thuật không tiêu đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polyamide 6 - 6.6 - Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim - 1 kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 24mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ 302 hoặc 420, kim phủ silicon. - Kim có rãnh để kẹp kim được chắc trong lúc thao tác. - Chỉ được đóng trong bao bì bằng giấy tyvek. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 2,462 |
| 209 | Chi không tan tổng hợp đơn sợi 4/0 | <p>Chi khâu phẫu thuật không tiêu đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polyamide 6 - 6.6 - Cỡ chỉ số 4/0 dài 75cm - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim - 1 kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 19mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ 302 hoặc 420, kim phủ silicon. - Kim có rãnh để kẹp kim được chắc trong lúc thao tác. - Chỉ được đóng trong bao bì bằng giấy tyvek. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 204 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------|--|-------------|----------|
| 210 | Chi không tan tổng hợp đơn sợi 5/0 | <p>Chi khâu phẫu thuật không tiêu đơn sợi tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu polypropylene - Sợi chỉ được nhuộm màu xanh dương bằng Phthalocyanine blue - Cỡ chỉ số 5/0 dài 70cm - 2 kim tròn 3/8 vòng tròn, dài 12mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong khay ít nhớ hình hoặc đóng tép dạng dài. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 96 |
| 211 | Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 2/0 | <p>Chi khâu phẫu thuật không tiêu đơn sợi tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu polypropylene - Sợi chỉ được nhuộm màu xanh dương bằng Phthalocyanine blue - Cỡ chỉ số 2/0 dài 90cm - 2 kim tròn đầu cắt 1/2 vòng tròn, dài 26mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong khay ít nhớ hình hoặc đóng tép dạng dài. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 172 |
| 212 | Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 2/0 | <p>Chi khâu phẫu thuật không tiêu đơn sợi tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu polypropylene - Sợi chỉ được nhuộm màu xanh dương bằng Phthalocyanine blue - Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 26mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong khay ít nhớ hình hoặc đóng tép dạng dài. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 100 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------|--|-------------|----------|
| 213 | Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 3/0 | <p>Chi khâu phẫu thuật không tiêu đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polyamide 6 - 6.6 - Cỡ chỉ số 3/0 dài 75cm - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim - 1 kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 24mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ 302 hoặc 420, kim phủ silicon. - Kim có rãnh để kẹp kim được chắc trong lúc thao tác. - Chỉ được đóng trong bao bì bằng giấy tyvek. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 12,398 |
| 214 | Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 3/0 | <p>Chi khâu phẫu thuật không tiêu đơn sợi tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu polypropylene - Sợi chỉ được nhuộm màu xanh dương bằng Phthalocyanine blue - Cỡ chỉ số 3/0 dài 90cm - 2 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 26mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong khay ít nhớ hình hoặc đóng tép dạng dài. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 108 |
| 215 | Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 5/0 | <p>Chi khâu phẫu thuật không tiêu đơn sợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polyamide 6 - 6.6 - Cỡ chỉ số 5/0 dài 75cm - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim - 1 kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 16mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ 302 hoặc 420, kim phủ silicon. - Kim có rãnh để kẹp kim được chắc trong lúc thao tác. - Chỉ được đóng trong bao bì bằng giấy tyvek. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 434 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------|---|-------------|----------|
| 216 | Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 6/0 | <p>Chi khâu phẫu thuật không tiêu đơn sợi tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu polypropylene - Sợi chỉ được nhuộm màu xanh dương bằng Phthalocyanine blue - Cỡ chỉ số 6/0 dài 75cm - 2 kim tròn đầu vuốt nhọn 3/8 vòng tròn, dài 9mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong khay ít nhớ hình hoặc đóng tép dạng dài. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 36 |
| 217 | Chi không tan tổng hợp đơn sợi số 8/0 | <p>Chi khâu phẫu thuật không tiêu đơn sợi tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu polypropylene - Sợi chỉ được nhuộm màu xanh dương bằng Phthalocyanine blue - Cỡ chỉ số 8/0 dài 60cm - 2 kim tròn đầu cắt màu đen 3/8 vòng tròn, dài 9mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong khay ít nhớ hình hoặc đóng tép dạng dài. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 72 |
| 218 | Chi không tan tự nhiên số 2/0 | <p>Chi không tan tự nhiên đa sợi bền, được làm từ một dạng protein hữu cơ - chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon số 2/0, không kim, dài 150 cm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN</p> | Tép | 432 |
| 219 | Chi không tan tự nhiên số 2/0 | <p>Chi khâu phẫu thuật đa sợi tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu tơ lụa tự nhiên - Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim - 1 kim đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 26mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ 300 series, kim phủ silicon. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 388 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------|--|-------------|----------|
| 220 | Chỉ không tan tự nhiên số 3/0 | Chỉ không tan tự nhiên đa sợi bền, được làm từ một dạng protein hữu cơ - chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon số 3/0, không kim, dài 150 cm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN. Nhóm nước sản xuất: G7 | Tép | 264 |
| 221 | Chỉ không tan tự nhiên số 4/0 | Chỉ không tan tự nhiên 4 / 0 + kim tam giác $\geq 75\text{cm}$ (30") | Tép | 144 |
| 222 | Chỉ không tan tự nhiên số 5/0 | Chỉ không tan tự nhiên 5/0, $\geq 75\text{cm}$ + kim tam giác. Nhóm nước sản xuất: G7 | Tép | 500 |
| 223 | Chỉ tan chậm tự nhiên 2/0 | Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn Đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng, bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ có màu nâu sẫm Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN | Tép | 7,200 |
| 224 | Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi số 2/0 | Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 2/0 dài 90cm - Trương lực còn lại 50% sau 5 ngày. Giữ vết thương 7 đến 10 ngày. Tiêu hoàn toàn trong 42 ngày - 1 kim tròn đầu cắt 1/2 vòng tròn, dài 37mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 2,700 |
| 225 | Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi số 3/0 | Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 3/0 dài 70cm - Trương lực còn lại 50% sau 5 ngày. Giữ vết thương 7 đến 10 ngày. Tiêu hoàn toàn trong 42 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 26mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 144 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------|--|-------------|----------|
| 226 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 1 | <p>Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 1 dài 90cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 40mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 12,000 |
| 227 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 2/0 | <p>Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 26mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 1,750 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|--|-------------|----------|
| 228 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 3/0 | <p>Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 3/0 dài 75cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 26mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 482 |
| 229 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 4/0 | <p>Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 4/0 dài 75cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 20mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA - Xuất xứ G20 | Tép | 432 |
| 230 | Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polyglyconate 3/0 | <p>Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 28.66N. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng nhôm, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE+PP. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.</p> | Tép | 252 |
| 231 | Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polyglyconate 4/0 | <p>Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 4/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 20.75N. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng nhôm, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE+PP. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.</p> | Tép | 252 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|--|-------------|----------|
| 232 | Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polyglyconate 5/0 | Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 5/0, chỉ dài ≥ 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 20.75N. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng nhôm, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE+PP. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO. | Tép | 180 |
| 233 | Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polyglyconate 6/0 | Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 6/0, chỉ dài ≥ 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 20.75N. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng nhôm, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE+PP. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO. | Tép | 144 |
| 234 | Chỉ tan tổng hợp Polyglactin 5/0 | Chỉ tan tổng hợp Polyglactin 5/0 75cm + Kim 1/2C 26mm, thân kim có rãnh. | Tép | 72 |
| 235 | Chỉ tan tổng hợp số 1 | Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1, dài 100 cm, kim tròn đầu từ 3/8c, dài 65 mm, khâu gan vô trùng, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 56 đến 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Duy trì sức căng: 60-75% sau 2 tuần, 40-50% sau 3 tuần, 25% sau 4 tuần. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat Được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide. Được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate (1-5% tùy cỡ chỉ) giúp tăng độ trơn và chống sờn chỉ Chỉ được nhuộm màu tím (FDA D&c Violet No. 2 - CI 60725) hoặc không nhuộm (Undyed) Đóng gói 1 lớp, để lấy chỉ Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN | Tép | 24 |
| 236 | Chỉ tan tự nhiên số 1 | Chỉ tan chậm tự nhiên số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. thân kim có rãnh. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn Đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng, bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ có màu nâu sẫm Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN | Tép | 1,680 |
| 237 | Chỉ tan tự nhiên số 3/0 | Chỉ tan chậm tự nhiên số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn Đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng, bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ có màu nâu sẫm Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN. Nhóm nước sản xuất: G7, Châu Á | Tép | 314 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------|---|-------------|----------|
| 238 | Chỉ tan tự nhiên số 4/0 | Chỉ tan chậm tự nhiên số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn Đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng, bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ có màu nâu sẫm Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN. Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Tép | 2,692 |
| 239 | Chỉ thép buộc hàm (nha khoa) | Chỉ thép buộc hàm (nha khoa). | Cuộn | 5 |
| 240 | Chỉ thị hóa học cho tiệt khuẩn H2O2 | Chỉ thị hóa học cho tiệt khuẩn H2O2, xanh | Gói | 10 |
| 241 | Chỉ thị hóa học đa thông số | Chỉ thị hóa học đa thông số class 4 | Hộp | 30 |
| 242 | Chỉ tơ phẫu thuật các số | Chỉ tơ phẫu thuật số 1. 2/0. | Lọ | 20 |
| 243 | Chỉ tổng hợp đơn sợi 10/0 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6&66 số 10/0 dài 30cm, 2 kim Athaloc hình thang Micro-point spatula TG 140-6 dài 6,5mm 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA. | Tép | 300 |
| 244 | Dao bào da | Dao bào da | Cái | 20 |
| 245 | Dao đốt | Dao mổ điện đơn cực, phím điều khiển dạng nút bấm, có hộp đựng, dây dài 3m. Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 23 |
| 246 | Dây cưa xương | Dây cưa Gigli, rất mảnh, gồm 6 dây xoắn lại, dài 400mm, đường kính 1,40mm Đạt tiêu chuẩn ISO | Sợi | 150 |
| 247 | Gạc dẫn lưu | Gạc dẫn lưu 2m nhỏ 0,01x2m | Cuộn | 600 |
| 248 | Gạc ép sọ não | Gạc ép sọ não >= (1 x 8)cm x 4 lớp. Quy cách 5 miếng/gói. Nguyên liệu gạc sản xuất từ vải không dệt: 100% Rayon/ polyester. Không mùi. Được tiệt trùng bằng khí EO, có cân quang. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, TCVN | gói | 500 |
| 249 | Gạc lưới vô trùng | Gạc lưới vô trùng >= 10cm x 10cm, được sản xuất theo công nghệ TLC (Technology Lipido-Colloid) gạc lưới thông thoáng và linh hoạt được cấu tạo bởi các mắt lưới polyester có tằm các hạt hydrocolloid phân tán trong sáp dầu khoáng. Sản phẩm chứa hydrocolloid (carboxymethylcellulose), dầu parafin, sáp dầu khoáng và các dẫn xuất polymer, vô khuẩn. Đạt ISO, CE/MDR | miếng | 150 |
| 250 | Gạc lưới vô trùng | Gạc lưới Lipido Colloid vô trùng >=15cm x 20cm. được sản xuất theo công nghệ TLC (Technology Lipido-Colloid). gạc lưới thông thoáng và linh hoạt được cấu tạo bởi các mắt lưới polyester có tằm các hạt hydrocolloid phân tán trong sáp dầu khoáng. Sản phẩm chứa hydrocolloid (carboxymethylcellulose), dầu parafin, sáp dầu khoáng và các dẫn xuất polymer, vô khuẩn. Đạt ISO, CE/MDR | Miếng | 148 |
| 251 | Gạc phẫu thuật | 10cm x 10cm x 10 lớp | gói | 1,000 |
| 252 | Gạc phẫu thuật | Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm, 8 lớp tiệt trùng (3 gạc sát trùng da + 5 gạc trong lúc phẫu thuật + 2 gạc sau phẫu thuật) | Miếng | 303,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------|--|-------------|----------|
| 253 | Gạc phẫu thuật | <p>-Gạc hút nước (100% cotton) màu trắng, không hồ, không có bụi bẩn, sợi lạ, không mùi. Có độ thấm hút rất cao, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Độ ngậm nước \geq 5gr nước/1gr gạc</p> <p>- Tốc độ hút nước: <5s</p> <p>- Độ acid bazo: trung tính</p> <p>- Tinh bột và dextrin: không phát hiện</p> <p>- Độ ẩm: \leq 8%</p> <p>- Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm</p> <p>- Trọng lượng \geq 23g/m²</p> <p>- Có sợi cân quang đính kèm</p> <p>- Kích thước: 20cm x 80cm x 4 lớp</p> <p>Đóng gói bằng 2 lớp: 1 lớp bằng PE,</p> <p>- Đóng gói 2 lớp: 1 lớp PE + 1 lớp túi giấy y tế chuyên dụng có chỉ thị màu đã tiệt trùng</p> <p>Chứng chỉ: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; CE, chứng nhận cGMP, TCVN (TCCS)</p> | miếng | 65,000 |
| 254 | Giấy chỉnh khớp màu đỏ | Giấy chỉnh khớp màu đỏ Nhóm nước sản xuất: G7 | Tờ | 120 |
| 255 | Lưỡi dao phẫu thuật các số | <p>Chất liệu : Thép không rỉ. Thiết kế cân đối, mềm dẻo, rất sắc bén, gắn vào cán dễ dàng. Thao tác thuận tiện cho các phẫu thuật mắt, tai mũi họng, thẩm mỹ; tương thích với cán dao bằng tay.</p> <p>- Kích thước:</p> <p>- Lưỡi dao số 10: chiều cao lưỡi: 5.2mm-6.5mm, độ dài lưỡi cong: 24.0mm-26.5mm, độ dài lưỡi: 38.0mm-40.5mm.</p> <p>- Lưỡi dao số 11: chiều cao lưỡi: 5.3mm-6.2mm; độ dài lưỡi vác: 19-19.5mm, độ dài lưỡi: 39.1mm - 41.5mm.</p> <p>- Lưỡi dao số 12: chiều cao lưỡi 8.0mm-11.1mm, độ dài lưỡi cong: 12.0mm-15.5mm, độ dài lưỡi: 35.0mm-37.2mm</p> <p>- Lưỡi dao số 15: chiều cao: 2.8mm-4.0mm, độ dài vác cong: 9.0mm-11.5mm; chiều dài lưỡi: 35.0-37.5mm.</p> <p>- Lưỡi dao số 20: chiều cao lưỡi: 7.6mm-9.1mm, độ dài vác cong: 27.0mm-28.5mm, độ dài lưỡi: 44.4mm - 46.4mm.</p> <p>- Lưỡi dao số 21: chiều cao lưỡi: 7.6mm - 9.2mm, độ dài vác cong: 32.0mm-34.1mm, độ dài vác cong: 50.1mm-52.1mm.</p> <p>- Đóng gói tiệt trùng phương pháp chiếu xạ Gamma.</p> <p>- Tiêu chuẩn Chất lượng: ISO, EC, FDA. Nhóm nước sản xuất: G7</p> | Cái | 15,500 |
| 256 | Lưỡi dao phẫu thuật cong | Lưỡi dao phẫu thuật cong số 12 | Cái | 220 |
| 257 | Miếng cầm máu mũi | <p>Làm bằng chất liệu PVA (Polyvinyl Alcohol) không có xơ vãi, sợi và mù cao su với cấu trúc liên kết ô mờ 3D giúp không bị vụn, không rách trong quá trình sử dụng.</p> <p>- Công nghệ tạo bọt khí (Air -foaming) giúp ngăn sự phát triển của vi khuẩn; giảm nhiễm trùng và không có mùi hôi trong quá trình điều trị.</p> <p>- Kích thước: 80×20×15mm</p> | Miếng | 500 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|--|-------------|----------|
| 258 | Sáp cầm máu xương | * Được sản xuất từ sáp ong tự nhiên * Được sử dụng để kiểm soát sự chảy máu trên các mô xương * Khử trùng bằng bức xạ Gama * Kích thước 2.5gr Đạt tiêu chuẩn ISO, EC | Miếng | 150 |
| 259 | Vật liệu cầm máu gelatin | Miếng xốp cầm máu tự tiêu bằng gelatin, dạng bột xốp màu trắng tiệt trùng, kích thước 7x5x1 cm Đạt tiêu chuẩn ISO, EC | Miếng | 300 |
| 260 | Vật liệu cầm máu tự tan | Vật liệu cầm máu làm bằng cellulose oxy hóa tái tổng hợp, kích thước 10 x 20cm, tự tiêu trong vòng 7-14 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN | Miếng | 150 |
| 261 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 6/0 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66 Copper Phtalocyanine, số 6/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 6.67N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Tép | 72 |
| 262 | Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanon số 0 | Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanon, có chất kháng khuẩn, neo xoắn ốc, số 0, dài 30cm, kim tròn 36mm, 1/2C Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Tép | 100 |
| 263 | Gạc hút y tế | Gạc hút y tế loại 1 khổ 0,8m | Mét | 26,000 |
| 264 | Bông y tế không thấm nước | Được làm từ 100% bông tự nhiên, đã được chải qua để loại bỏ tạp chất. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam. Kết cấu mịn màng và mềm mại. Không thấm nước. | Kg | 226 |
| 265 | Bông y tế thấm nước | Bông y tế thấm nước loại 1 | Kg | 2,500 |
| 266 | Găng tay phẫu thuật các số | Sản xuất từ cao su thiên nhiên, mềm, dẻo, dai, không rách, dài 290-300mm. Có khả năng chống tĩnh điện Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 Sản xuất tại Việt Nam. | Đôi | 75,000 |
| 267 | Test kiểm soát gói thiết bị | test kiểm soát gói thiết bị | Miếng | 36,000 |
| 268 | Test thử lò hấp | Test thử lò hấp | Cái | 750 |
| 269 | Test thử nhiệt độ | Test thử nhiệt độ | Cuộn | 120 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------|---|-------------|----------|
| 270 | Túi ép tiệt trùng hơi | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cuộn: 70mm x 200m - Thành phần sterimed $\geq 70g$ + Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở + Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng + Hàn ≥ 3 đường cho độ bền cao | Cuộn | 10 |
| 271 | Túi ép tiệt trùng hơi | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cuộn: 150mm x 200m - Thành phần sterimed $\geq 70g$ + Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở + Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng + Hàn ≥ 3 đường cho độ bền cao | Cuộn | 50 |
| 272 | Túi ép tiệt trùng hơi | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cuộn: 200mm x 200m - Thành phần sterimed $\geq 70g$ + Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở + Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng + Hàn ≥ 3 đường cho độ bền cao | Cuộn | 50 |
| 273 | Túi ép tiệt trùng hơi | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cuộn: 150mm x 100m - Thành phần sterimed $\geq 70g$ + Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở + Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng + Hàn ≥ 3 đường cho độ bền cao | Cuộn | 20 |
| 274 | Túi ép tiệt trùng hơi | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cuộn: 200mm x 100m - Thành phần sterimed $\geq 70g$ + Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở + Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng + Hàn ≥ 3 đường cho độ bền cao | Cuộn | 20 |
| 275 | Túi ép tiệt trùng hơi | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cuộn: 300mm x 100m - Thành phần sterimed $\geq 70g$ + Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở + Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng + Hàn ≥ 3 đường cho độ bền cao | Cuộn | 10 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------|---|-------------|----------|
| 276 | Túi ép tiệt trùng loại đẹp | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cuộn: 75mm x 200m - Thành phần sterimed $\geq 70g$ + Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở + Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng + Hàn ≥ 3 đường cho độ bền cao | Cuộn | 25 |
| 277 | Túi ép tiệt trùng loại đẹp | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cuộn: 150mm x 200m - Thành phần sterimed $\geq 70g$ + Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở + Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng + Hàn ≥ 3 đường cho độ bền cao | Cuộn | 120 |
| 278 | Túi ép tiệt trùng loại đẹp | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cuộn: 200mm x 200m - Thành phần sterimed $\geq 70g$ + Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở + Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng + Hàn ≥ 3 đường cho độ bền cao | Cuộn | 180 |
| 279 | Túi ép tiệt trùng loại đẹp | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cuộn: 350mm x 200m - Thành phần sterimed $\geq 70g$ + Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở + Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng + Hàn ≥ 3 đường cho độ bền cao | Cuộn | 20 |
| 280 | Túi ép tiệt trùng loại phòng | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cuộn: 200mm x 100m - Thành phần sterimed $\geq 70g$ + Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở + Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng + Hàn ≥ 3 đường cho độ bền cao | Cuộn | 150 |
| 281 | Túi ép tiệt trùng loại phòng | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước cuộn: 150mm x 100m - Thành phần sterimed $\geq 70g$ + Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở + Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng + Hàn ≥ 3 đường cho độ bền cao | Cuộn | 120 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|---|-------------|----------|
| 282 | Túi ép tiệt trùng loại phòng | - Kích thước cuộn: 350mm x 100m - Thành phần sterimed $\geq 70g$ + Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở + Thay đổi màu sắc chính xác và rõ ràng + Hàn ≥ 3 đường cho độ bền cao | Cuộn | 20 |
| 283 | Túi ép tiệt trùng tyvek, dạng cuộn hoặc tương đương | Kích thước :150mm x 70 m Vật liệu :2FS+ $\geq 62um$ petpe easy film Thay đổi màu rõ ràng Sử dụng cho máy hấp tiệt trùng EO và Plasma | Cuộn | 20 |
| 284 | Túi ép tiệt trùng tyvek, dạng cuộn hoặc tương đương | Kích thước :200mm x 70 m Vật liệu :2FS+ $\geq 62um$ petpe easy film Thay đổi màu rõ ràng Sử dụng cho máy hấp tiệt trùng EO và Plasma | Cuộn | 20 |
| 285 | Túi ép tiệt trùng tyvek, dạng cuộn hoặc tương đương | Kích thước :300mm x 70 m Vật liệu :2FS+ $\geq 62um$ petpe easy film Thay đổi màu rõ ràng Sử dụng cho máy hấp tiệt trùng EO và Plasma | Cuộn | 20 |
| 286 | Gạc cầu 2 lớp không vô trùng | - Kích thước đường kính 30mm x 2 lớp - Chất liệu từ 100% sợi cotton - Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.Gas. - Thẩm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. - Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, các chứng nhận CE F22 Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cái | 3,000 |
| 287 | Gạc cầu 1 lớp không vô trùng | - Kích thước đường kính 40mm x 1 lớp - Chất liệu từ 100% sợi cotton - Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.Gas. - Thẩm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. - Đạt tối thiểu một trong các chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, các chứng nhận CE D22 Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cái | 5,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|---|-------------|----------|
| 288 | Gạc cầu sân khoa 1 lớp không vô trùng | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước đường kính 45mm x 1 lớp - Chất liệu từ 100% sợi cotton - Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.Gas. - Thẩm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. - Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cái | 15,000 |
| 289 | Gạc củ ấu sân khoa 6 lớp không vô trùng | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 5cm x 5cm x 6 lớp - Chất liệu từ 100% sợi cotton - Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.Gas. - Thẩm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. - Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cái | 10,000 |
| 290 | Gạc miếng 4 lớp vô trùng | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 10cmx10cmx 4 lớp - Chất liệu từ 100% sợi cotton - Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.Gas. - Thẩm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. - Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Miếng | 100,000 |
| 291 | Gạc miếng 4 lớp không vô trùng | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 10cmx10cmx 4 lớp - Chất liệu từ 100% sợi cotton - Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.Gas. - Thẩm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. - Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Miếng | 500,000 |
| 292 | Gạc miếng 8 lớp không vô trùng | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 10cmx10cmx8 lớp - Chất liệu từ 100% sợi cotton - Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.Gas. - Thẩm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. - Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Miếng | 100,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------|--|-------------|----------|
| 293 | Bộ tiêm chích FAV | <ul style="list-style-type: none"> • Bộ bao gồm: 1. Khăn trải chống thấm 40cm x60cm: 01 cái. Được làm từ vải không dệt không thấm hút nước. 2. Gạc phẫu thuật không dệt 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp: 4 cái. Được làm từ vải không dệt có độ thấm hút cao. 3. Gạc lót đốc kim 3,5cm x 5cm x 4 lớp: 2 cái. Được làm từ vải không dệt có độ thấm hút cao. 4. Gạc thận nhân tạo: được làm từ vải dệt 100% cotton có độ thấm hút cao, Sợi săn chắc, đồng đều, trắng, mịn, mềm mại. • Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. • Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận GMP,CE,Chứng nhận QCVN 01:2017/BCT | Gói | 40,000 |
| 294 | Bông viên y tế | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước đường kính Fi20- Fi30 - Chất liệu từ 100% sợi cotton - Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.Gas. - Thấm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. - Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, dược điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Kg | 2,000 |
| 295 | Bông gạc 3 lớp, đắp vết thương | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 6cmx15cmx 3 lớp - Chất liệu từ 100% sợi cotton - Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.Gas. - Thấm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. - Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, dược điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Gói | 400,000 |
| 296 | Bông gạc 3 lớp, đắp vết thương | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 6cmx22cmx 3 lớp - Chất liệu từ 100% sợi cotton - Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.Gas. - Thấm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. - Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, dược điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Gói | 100,000 |
| 297 | Bông gạc 3 lớp, đắp vết thương | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước 20cmx30cmx 3 lớp - Chất liệu từ 100% sợi cotton - Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.Gas. - Thấm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. - Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, dược điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Gói | 500 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|---|-------------|----------|
| 298 | Bông gạc 3 lớp, đắp vết thương | Kích thước 18cmx18cm x 3 lớp - Chất liệu từ 100% sợi cotton - Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.Gas. - Thẩm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. - Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Gói | 50 |
| 299 | Bông gạc 3 lớp không vô trùng, đắp vết thương | Kích thước 15cmx20cm x 3 lớp - Chất liệu từ 100% sợi cotton - Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.Gas. - Thẩm hút tối ưu, mịn màng, mềm mại, không chứa các thành phần hóa học gây kích ứng. - Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Gói | 5,000 |
| 300 | Săng mổ không có lỗ | Kích thước 50x50cm • Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP màu xanh. • Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông • Thoáng mát, dễ chịu, thích hợp sử dụng một lần • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không mùi • Không có kim loại nặng. • Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói bằng băng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. - Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cái | 15,000 |
| 301 | Săng mổ có lỗ | Kích thước 50x50cm • Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP màu xanh. • Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông • Thoáng mát, dễ chịu, thích hợp sử dụng một lần • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không mùi • Không có kim loại nặng. • Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói bằng băng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. - Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE | Cái | 15,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------|--|-------------|----------|
| 302 | Săng mỗ vô trùng không có lỗ | <p>Kích thước 60x80cm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP màu xanh. • Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông • Thoáng mát, dễ chịu, thích hợp sử dụng một lần • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không mùi • Không có kim loại nặng. <p>• Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói bằng băng bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế. Tiết trùng bằng khí EO.Gas.</p> <p>- Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam</p> | Cái | 10,000 |
| 303 | Săng mỗ vô trùng có lỗ | <p>Kích thước 60x80cm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP màu xanh. • Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông • Thoáng mát, dễ chịu, thích hợp sử dụng một lần • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không mùi • Không có kim loại nặng. <p>• Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói bằng băng bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế. Tiết trùng bằng khí EO.Gas.</p> <p>- Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE Nhóm nước sản xuất: Việt Nam</p> | Cái | 10,000 |
| 304 | Săng mỗ vô trùng không có lỗ | <p>Kích thước 80x120cm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP màu xanh. • Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông • Thoáng mát, dễ chịu, thích hợp sử dụng một lần • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không mùi • Không có kim loại nặng. <p>• Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói bằng băng bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế. Tiết trùng bằng khí EO.Gas.</p> <p>- Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE</p> | Cái | 2,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------|--|-------------|----------|
| 305 | Săng mỗ vô trùng có lỗ | <p>Kích thước 80x120cm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP màu xanh. • Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông • Thoáng mát, dễ chịu, thích hợp sử dụng một lần • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không mùi • Không có kim loại nặng. <p>• Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói bằng băng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.</p> <p>- Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE</p> <p>Nhóm nước sản xuất: Việt Nam</p> | Cái | 2,000 |
| 306 | Săng mỗ vô trùng có lỗ | <p>Kích thước 80x80cm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP màu xanh. • Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông • Thoáng mát, dễ chịu, thích hợp sử dụng một lần • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không mùi • Không có kim loại nặng. <p>• Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói bằng băng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.</p> <p>- Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE</p> <p>Nhóm nước sản xuất: Việt Nam</p> | Cái | 3,000 |
| 307 | Săng mỗ vô trùng không có lỗ | <p>Kích thước 80x80cm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP màu xanh. • Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông • Thoáng mát, dễ chịu, thích hợp sử dụng một lần • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không mùi • Không có kim loại nặng. <p>• Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói bằng băng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.</p> <p>- Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE</p> <p>Nhóm nước sản xuất: Việt Nam</p> | Cái | 3,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------|---|-------------|----------|
| 308 | Săng mỗ vô trùng không có lỗ | <p>Kích thước 60x60cm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP màu xanh. • Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông • Thoáng mát, dễ chịu, thích hợp sử dụng một lần • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không mùi • Không có kim loại nặng. <p>• Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói bằng băng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.</p> <p>- Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE</p> <p>Nhóm nước sản xuất: Việt Nam</p> | Cái | 5,000 |
| 309 | Săng mỗ vô trùng có lỗ | <p>Kích thước 60x60cm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP màu xanh. • Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông • Thoáng mát, dễ chịu, thích hợp sử dụng một lần • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không mùi • Không có kim loại nặng. <p>• Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói bằng băng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.</p> <p>- Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE</p> <p>Nhóm nước sản xuất: Việt Nam</p> | Cái | 5,000 |
| 310 | Săng mỗ 1mx1m vô trùng có lỗ | <p>Kích thước 1mx1m</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP màu xanh. • Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông • Thoáng mát, dễ chịu, thích hợp sử dụng một lần • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không mùi • Không có kim loại nặng. <p>• Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói bằng băng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.</p> <p>- Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE</p> <p>Nhóm nước sản xuất: Việt Nam</p> | Cái | 3,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|---|-------------|----------|
| 311 | Săng mủ 1mx1m vô trùng không có lỗ | <p>Kích thước 1mx1m</p> <ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm được làm từ vải không dệt PP màu xanh. Không thấm nước, không thấm dịch, mịn màng và ít sợi bông Thoáng mát, dễ chịu, thích hợp sử dụng một lần Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không mùi Không có kim loại nặng. <p>Quy cách: 1 cái/gói; Được đóng gói bằng băng bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế. Tiết trùng bằng khí EO.Gas.</p> <p>- Đạt chứng nhận về quy trình và chất lượng như ISO 9001, ISO 13485, được điển IV Việt Nam, chứng nhận CE</p> <p>Nhóm nước sản xuất: Việt Nam</p> | Cái | 3,000 |
| 312 | Hộp mực của máy ép nhiệt bao bì tiết trùng (loại xoay) hiệu WEGO Sealing Machin | <p>Hộp mực này được sử dụng trong máy in tích hợp của máy ép nhiệt bao bì tiết trùng (loại xoay) để in các thông tin như: ngày sản xuất, hạn sử dụng, người vận hành, bộ phận,... lên túi đã niêm phong.Kích thước:69*68*25mm Vật liệu Nhựa và mực ruy-băng, Mật độ ruy-băng: mật độ cao, Đặc tính in: Bản in rõ nét, khó bị nhòe khi vuốt qua</p> <p>Nhóm nước sản xuất: Việt Nam</p> | Hộp | 12 |
| 313 | Mô vịt inox | Làm bằng thép không rỉ | Cái | 100 |
| 314 | Mô vịt nhựa | Làm từ nhựa PP nguyên sinh. Các góc cạnh đều nhẵn, không làm tổn thương bệnh nhân. Sử dụng trong khám phụ khoa | Cái | 2,300 |
| 315 | Săng giấy | 50*50cm. Vải không dệt mịn màng và ít sợi bông, sử dụng 1 lần, màu xanh | Cái | 300 |
| 316 | Băng bột bó | Qui cách : 01 gói/ cuộn. *Tiêu chuẩn: Băng bột bó 6 inch 15cm x 2,7m. Băng bột thao tác thật dễ dàng nhanh chóng. Ít hao bột và cho độ cứng cao nhất Khi bó xong cho bề mặt trắng mịn, trơn láng và gọn gàng. Cho cảm giác nhẹ nhàng thoáng mát và có tính thẩm mỹ cao. | Cuộn | 12,700 |
| 317 | Băng cuộn | Băng cuộn vải mỏng, kích thước 0,07mx3m. Tiêu chuẩn: Được làm từ 100% sợi cotton, khả năng thấm hút cao. mềm mại , không gây kích ứng da. Quy cách: 20 cuộn/ gói. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cuộn | 25,000 |
| 318 | Băng keo | Vải nền đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) co giãn, mềm mại, thoáng khí, độ bền kéo 3.0kg/12mm ± 300g. Phù keo Acrylic 100g/m², độ dính 580g/12mm ± 30g an toàn cho mọi loại da, không sót keo sau khi tháo băng. Các vạch in sẵn giúp cắt theo kích cỡ tùy ý. Có kiểm tra vi sinh. | Cuộn | 12 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------|---|-------------|----------|
| 319 | Băng keo cá nhân | Băng được làm từ vải co giãn, có độ dính cao trên mọi vị trí, kể cả vị trí khó. | Cái | 167,900 |
| 320 | Băng keo cá nhân | Kích thước 72mm x 18mm. Tiêu chuẩn ISO 13485. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Miếng | 234,000 |
| 321 | Băng keo có gạc vô trùng | 6x8cm (Băng keo có gạc vô trùng). | Miếng | 500 |
| 322 | Băng keo cuộn co giãn bản rộng | Băng keo cuộn co giãn bản rộng 10cm x 10m. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cuộn | 1,800 |
| 323 | Băng keo cuộn lụa có lõi liền | Kích thước 1,25cm x 5m. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cuộn | 9,460 |
| 324 | Băng keo dán suture | Băng keo dán suture 10cm x 4,5m. Băng keo lụa nền đan dệt ít gây kích ứng, keo có độ dính lâu dài, dính chắc trong tất cả các trường hợp. | Cuộn | 165 |
| 325 | Băng keo lụa | Băng keo lụa 1,25cm x 5m. Keo có độ dính lâu dài, dính chắc trong tất cả các trường hợp Ít gây dị ứng, thích hợp cho da nhạy cảm Lỗ thoát khí nhỏ: giúp da thông thoáng Xé dễ dàng, dùng được nhanh mà không cần kéo. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cuộn | 20,000 |
| 326 | Băng keo lụa có lõi liền | Băng keo lụa có lõi liền 5cm x 5m. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cuộn | 3,500 |
| 327 | Băng keo lụa to bản | Độ dính cao, co giãn tốt, kích thước 10cm x 10m. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cuộn | 2,000 |
| 328 | Băng keo lụa y tế | Băng keo lụa y tế lõi nhựa 2.5cm x 5m. Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cuộn | 52 |
| 329 | Băng thun | Kích thước 10cm x 3m. Được làm từ sợi polyester và cao su thiên nhiên có độ co giãn cao lên đến 200% so với kích thước ban đầu. Tiêu chuẩn ISO 13485. | Cuộn | 9,000 |
| 330 | Băng thun có keo các cỡ | Băng băng cotton co giãn, keo là oxyt kẽm không dùng dung môi, có lớp giấy lót bảo vệ. Kích cỡ 8cm x 4,5m; 10cm x 4,5m | cuộn | 100 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|---|-------------|----------|
| 331 | Filter lọc khuẩn cho thở máy 3 chức năng | <p>Phin lọc khuẩn sử dụng một lần được dùng để lọc khí thở từ các thiết bị thông khí cơ học (như máy giúp thở cao tần) đến bệnh nhân. Phin lọc khuẩn là rào cản ngăn cách bệnh nhân với bên ngoài. Sản phẩm lọc không khí khi bệnh nhân hít vào và thở ra. Phin lọc khuẩn ba chức năng còn dùng để làm ấm và ẩm không khí đường thở vào.</p> <p>- Bộ lọc khuẩn & làm ấm HME có hình dạng tròn, không có cạnh sắc, giảm nguy cơ để lại dấu ấn cho bệnh nhân.</p> <p>- Bộ lọc dùng để gắn vào một túi-van-mặt nạ, giữa túi tự bơm hơi và đường thở (mặt nạ, đường thở trên thanh quản, ống khí quản) để lọc hơi thở ra.</p> <p>- Có 3 chức năng: bộ lọc tĩnh điện vi khuẩn, vi rút, đầu nối 22M / 15F tuân theo tiêu chuẩn BS EN ISO 5356 hiệu quả 99.999%, dead space: 69ml/28ml, trọng lượng 32g/21g, có cổng đo CO2, vô trùng & trao đổi ẩm.</p> | Cái | 500 |
| 332 | Găng tay khám bệnh các số | <p>Găng tay khám bệnh không tiết trùng các cỡ. Bề mặt trơn. Màu trắng ngà. Chưa tiết trùng. Thuận cho cả 2 tay, không nhân và viền gân ở cổ tay. - Nguyên liệu: Cao su tự nhiên.</p> <p>Chiều dài tối thiểu: 240mm</p> <p>Độ dày ngón tay: Tối thiểu 0.10 mm;</p> <p>Lòng bàn tay: Tối thiểu 0.09 mm;</p> <p>Cổ tay: Tối thiểu 0.08 mm.</p> <p>Cường độ dãn (MPa): trước lão hóa tối thiểu: 18, sau lão hóa tối thiểu: 14</p> <p>Độ dãn dài (%): trước lão hóa tối thiểu: 650, sau lão hóa tối thiểu: 500</p> <p>Lực kéo (N): trước lão hóa tối thiểu: 6, sau lão hóa tối thiểu: 6</p> <p>Lượng Protein : Tối đa 200µg/dm2</p> <p>Mức bột : Tối đa 10 mg/dm2</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng : ISO 9001 được chứng nhận bởi SGS (Anh). Tiêu chuẩn ISO 13485:2003, Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam</p> | Đôi | 780,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|---|-------------|----------|
| 333 | Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: cao su tự nhiên chất lượng cao, có phủ bột chống dính - Đóng gói 1 đôi tiệt trùng - Có khả năng chống tĩnh điện: Điện trở suất khối $4,26 \times 10^{13} \Omega \cdot \text{cm}$. Điện trở suất mặt: $9,83 \times 10^{13} \Omega$ - Thiết kế găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, bề mặt nhám, se viền cổ tay - Có phân biệt tay trái, phải - Kích cỡ: 6.0, 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, 8.5 - Chiều dài găng tay (mm): 280 ± 10 min - Chiều rộng lòng bàn tay (mm): $77 \pm 5, 83 \pm 5, 89 \pm 5, 95 \pm 5, 102 \pm 6, 108 \pm 6$ - Độ dày tối thiểu: Ngón tay: ≥ 0.16 mm, Lòng bàn tay ≥ 0.15 mm, Cổ tay ≥ 0.09 mm - Đặc tính: Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh $\geq 12.5N$, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh $\geq 700\%$, Lực kéo tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh $\geq 9.5N$, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh $\geq 550\%$, Lực Skéo tối đa tại độ giãn dài 300% trước khi già hóa nhanh $\leq 2N$ - Hàm lượng bột $\leq 10\text{mg}/\text{dm}^2$ - Hàm lượng protein tan trong nước: $\leq 20\mu\text{g}/\text{dm}^2$ - Chỉ tiêu vi sinh: Âm tính với tụ cầu khuẩn, liên cầu khuẩn, vi khuẩn hiếu khí, nấm men và nấm mốc <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, CE, ISO 13485, ISO 9001, CFS, ĐVNV V, ISO 37, ISO 23529, ASTM D6124, ASTM D257-14, ASTM D 5712-15, TCVN 6344, TCVN 8084, Nhóm nước sản xuất: Việt Nam</p> | Đôi | 73,800 |
| 334 | Găng tay rà soát lòng tử cung số 7+7,5 (đã tiệt trùng) | Sản xuất từ cao su thiên nhiên, mềm, dẻo, dai, không rách, đã tiệt trùng, dài 500mm. Đạt tiêu chuẩn ISO/13485:2016; CE; FDA Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Đôi | 2,220 |
| 335 | Găng tay vô khuẩn (Nylon) | găng đã được tiệt trùng, được làm bằng nylon Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 49,400 |
| 336 | Giấy điện tim | Giấy điện tim 6 cần 110mm x 140mm-200 tờ. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE | Xấp | 870 |
| 337 | Giấy điện tim 1 kênh | Giấy điện tim 1 kênh R50 x 30 | Cuộn | 80 |
| 338 | Giấy in cho Monitor sản khoa | Giấy in cho Monitor sản khoa BT - 350L (150 mm x 90 mm x 12 mm) hoặc tương đương. Dùng cho máy Monitor theo dõi sản khoa BT - 350L, đạt tiêu chuẩn ISO. | Xấp | 50 |
| 339 | Giấy in nhiệt cho máy điện tim 3 cần | Giấy điện tim 3 cần: 63mmx30mmx17mm Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cuộn | 886 |
| 340 | Giấy in nhiệt dùng cho máy monitor sản khoa | Giấy in nhiệt trắng không dòng kẻ, kích thước 142mmx150mmx300sheet hoặc tương đương. Sử dụng phù hợp với máy monitor sản khoa Sonicaid Team3 | Xấp | 150 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|--|-------------|----------|
| 341 | Giấy siêu âm | Giấy siêu âm sử dụng được cho sử dụng cho máy Sony UP 20 hoặc tương đương. Kích thước: 110mmx20mm. | Cuộn | 142 |
| 342 | Giấy y tế | Giấy y tế 40cmx25cm Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Kg | 1,800 |
| 343 | Lọc khuẩn có cổng CO2 dành cho người lớn | Vỏ bên ngoài trong suốt dễ quan sát kiểm tra.cổng kết nối an toàn theo tiêu chuẩn ISO,có cổng đo CO2.Trở kháng 1.8cmH2O ở dòng khí đi qua 20 lít/phút | Cái | 6,500 |
| 344 | Lọc khuẩn có cổng CO2 dành cho trẻ em | - Bộ lọc nhiệt, có cổng CO2 dành cho trẻ em - Trọng lượng nhẹ, kháng dòng chảy thấp | Cái | 100 |
| 345 | Lọc khuẩn máy thở CO2 dành cho người lớn | Lọc khuẩn máy thở CO2 dành cho người lớn | Cái | 1,294 |
| 346 | Lọc khuẩn máy thở CO2 dành cho trẻ em | Lọc khuẩn: 99,99%, lọc vi khuẩn: 99,99%, Phương pháp lọc: lọc bằng Phương pháp tĩnh điện. Độ hút ẩm: 33mg H2O/ 1 khí. Áp suất: 0,7 hpa/ min 30L H2O. Khoảng chết thấp 20ml, dòng khí đi qua 200-1500ml. Không chứa DEHP, không chứa Latex. Đạt tiêu chuẩn ISO, TCCS/TCVN | Cái | 400 |
| 347 | Lọc khuẩn 3 chức năng HME dành cho bệnh nhân thở khí quản | - chất liệu: polypropylene - chức năng: lọc khuẩn, làm ẩm, làm ẩm - khoảng chết: 10-15ml | Cái | 500 |
| 348 | Ballon gây mê | Túi khí (bóng) bằng latex. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 104 |
| 349 | Bao camera nội soi | Đã tiệt trùng bằng khí E.O chất liệu làm từ original ppsin | Cái | 9,000 |
| 350 | Bao cao su | Được sản xuất từ cao su thiên nhiên bằng công nghệ nhúng cỏ, co giãn tốt | Cái | 2,000 |
| 351 | Bao đo máu sau sanh | Đã tiệt trùng bằng khí Oxyt - Ethylen. 1cái/gói vô trùng | Cái | 3,000 |
| 352 | Bao giày y tế | Bao giày y tế Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 44,000 |
| 353 | Bao huyết áp người lớn | Bao huyết áp bằng vải, Loại: 1 dây, người lớn. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 200 |
| 354 | Bao huyết áp trẻ em | Bao huyết áp bằng vải, Loại: 1 dây, trẻ em. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 22 |
| 355 | Bình + dây dẫn lưu áp lực âm | Làm từ nhựa pp,tiệt trùng bằng khí EO, không gây kích ứng | Cái | 500 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|---|-------------|----------|
| 356 | Bình làm ấm oxy gắn tường | Bình làm ấm oxy gắn tường các khớp chắc chắn khó gãy van điều chỉnh đồng hồ đo lưu lượng oxy. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 260 |
| 357 | Bình tạo ẩm dùng cho máy thở NCPAP | Bình làm ấm. Bình tạo ẩm dùng cho máy thở NCPAP, Chất liệu: Polysulfone/ Aluminum. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 25 |
| 358 | Bình thông phổi thủy tinh | Bình thông phổi thủy tinh 2000ml | Cái | 100 |
| 359 | Bộ đồ chống dịch 7 món | Bộ trang phục phòng dịch (Bộ áo liền quần, Khẩu trang, Giày, Găng tay, tấm che mặt) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015. Xuất xứ: Việt Nam | Bộ | 100 |
| 360 | Bo huyết áp | Bo huyết áp. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 88 |
| 361 | Bộ Mask oxy người lớn nồng độ cao có 2 van | Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, đầu nối dây dẫn. - Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh màu trắng trong, không có chất tạo màu. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gập - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN/TCCS. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 4,440 |
| 362 | Bộ Mask oxy sơ sinh nồng độ cao có 2 van | Chất liệu: PVC y tế Cung cấp oxy nồng độ cao 90% - 100% tại cường độ 6l/ph Dây oxy dài $\geq 2\text{m} \pm 5\%$, đường kính 5,5 mm Mặt nạ kích cỡ trẻ sơ sinh tương ứng kích thước: chiều dài: 80mm $\pm 20\%$; chiều cao: 45mm $\pm 10\%$. Túi Oxy có thể tích 1000ml | Cái | 140 |
| 363 | Bộ Mask oxy trẻ em nồng độ cao có 2 van | .- Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. - Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh màu trắng trong, không có chất tạo màu. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gập - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN/TCCS | Cái | 210 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|---|-------------|----------|
| 364 | Bộ VP Shunt | - Có 03 loại van tương ứng với 03 mức áp lực: Áp lực thấp 50 mm H2O Áp lực trung bình 110 mm H2O; Áp lực cao 170 mm H2O - Vỏ van bằng Polysulfone trong suốt - Đường kính van 16 mm; đường kính ống dẫn dịch 1.8 mm - Cơ chế hoạt động dạng bóng trong ống hình côn - Catheter não thất, dài 23 cm; đường kính trong 1.3 mm; đường kính ngoài 2.5 mm - Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài 110 cm; đường kính trong 1.1mm; đường kính ngoài 2.5 mm. | Cái | 3 |
| 365 | Bóng chứa Oxy | Bóng chứa Oxy 30 lít. Túi được làm từ nhựa PVC, không độc hại. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 20 |
| 366 | Bóp bóng giúp thở, tháo rời được, người lớn, trẻ em | Bóp bóng giúp thở, tháo rời được, người lớn, trẻ em. Bao gồm: 1 Bóp bóng Silicon (Dung tích 250-1600ml). 1 Mặt nạ Silicon (Các số 1,2,3,4 hoặc 5) Túi silicon chứa oxy (Dung tích 1000-2500ml). 1 Dây nối oxy 2m. 1 Val peep. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Châu Âu | Cái | 65 |
| 367 | Bóp bóng giúp thở, tháo rời được, sơ sinh | Bóp bóng giúp thở, tháo rời được, sơ sinh. | Cái | 10 |
| 368 | Bóp bóng trẻ lớn, trẻ nhỏ, sơ sinh có van | Bao gồm: 1 Bóp bóng Silicon (Dung tích 250-1600ml). 1 Mặt nạ Silicon (Các số 1,2,3,4 hoặc 5) Túi silicon chứa oxy (Dung tích 1000-2500ml). 1 Dây nối oxy 2m. 1 Val peep. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC | Cái | 3 |
| 369 | Cannula size các cỡ dùng cho máy thở NCPAP | Ống thở silicon, kích thước S, XS dùng cho máy thở NCPAP | Cái | 20 |
| 370 | Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó | cây dẫn đường đặt nội khí quản khó, được sử dụng để đặt ống nội khí quản.size 10FR,15Frx70cm. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cây | 5 |
| 371 | Dẫn lưu ngoài EVD | Dẫn dịch não tủy (CSF) từ não thất ra ngoài. - Theo dõi áp lực và tỷ lệ chảy của dịch não tủy từ não thất - Giảm áp lực nội sọ (ICP) - Van lọc khí một chiều ngăn ngừa vi khuẩn xâm nhập và hiệu ứng áp lực âm - Hai vị trí lấy dịch và tiêm thuốc não thất - Bình chứa dịch di chuyển theo dõi dòng chảy, có khóa tạm để điều chỉnh áp lực nhanh chóng, chính xác. - Bảng theo dõi và điều chỉnh áp lực nội sọ kích thước 110x630 mm, túi chứa dịch 700 ml có thể tái sử dụng. Catheter não thất 06118 dài 35 cm. | Cái | 5 |
| 372 | Dây cho ăn, các số | Dây cho ăn, số 6 ->16 Trong suốt, có thể nhìn thấy dịch/thức ăn, mềm dẻo, sử dụng được trong thời gian dài, không gây kích ứng, giảm tổn thương. Nhiều lỗ thoát phân bố ở đầu ống để phân tán thức ăn/thuốc đều hơn, tránh tắc nghẽn và xoắn ống. Thiết kế đặc biệt giúp ống giữ hình dạng, đảm bảo dòng chảy thông suốt. Thiết kế giúp ống giữ hình dạng, đảm bảo dòng chảy thông suốt. Chiều dài thường khoảng 100cm, 120cm. Có ghi khắc cố định rõ ràng. Có nắp đậy. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam, Châu Âu | Cái | 9,100 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|---|-------------|----------|
| 373 | Dây đeo tay bệnh nhân có dán nhãn tên | Chất liệu: Nhựa trung tính, không gây kích ứng, các màu xanh, đỏ, hồng, vàng chiều dài: 235mm. Rộng 22mm phần bảng tên: dài 60mm, rộng: 20mm Phần quai đeo: có nút bấm và khóa cố định,có 12 lỗ phù hợp với kích cỡ tay của bệnh nhân. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 16,990 |
| 374 | Dây garo | Chất liệu thun cotton có gai dán. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Sợi | 1,620 |
| 375 | Dây hút đàm nhớt, có khóa, các số | Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Cái | 1,460 |
| 376 | Dây hút đàm nhớt, không khóa, các số | Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 66,650 |
| 377 | Dây hút dịch phẫu thuật tiệt trùng | dây được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, trắng trong, hai đầu nối, bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh, độ đàn hồi cao, tiệt trùng bằng khí EO, bao bì chỉ thị tiệt trùng từng cái. | Cái | 8,000 |
| 378 | Dây máy gây mê bán thờ 1 nhánh Jackson-Rees, có van hoặc tương đương | Hệ thống Mapleson C (1.6m) với ống lượn sóng nhẹ 10mm có bóng 2 lít và van APL người lớn + adapter 15f/6-9mm, co L 15F-22m, co thẳng 15F-22F, chất liệu PVC y tế. Mặt nạ to vừa kích thước theo bộ. Áp lực 2 bar có van hoặc tương đương là hệ thống dây dẫn khí dùng trong gây mê, đặc trưng bởi thiết kế chữ T để điều khiển lưu lượng khí cho bệnh nhân (thường là trẻ em), có van điều chỉnh áp lực hoặc dạng túi dự phòng (reservoir bag). Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 52 |
| 379 | Dây máy thở | Dây máy thở (sử dụng một lần) | Bộ | 10 |
| 380 | Dây máy thở | Dây máy thở 3 nhánh có co giãn độ dài vừa phải Nhóm nước sản xuất: G7 | Bộ | 1,500 |
| 381 | Dây nối ống nội khí quản | Dây nối ống nội khí quản. | Bộ | 20 |
| 382 | Dây nối Oxy | Đề nối thêm dây thở oxy, bằng nhựa y tế, đóng gói từng cái vô trùng, dài >=1,2m Nhóm nước sản xuất: G7, Châu Á | Cái | 800 |
| 383 | Dây nối tẩm điện cực | Dây nối tẩm điện cực trung tính sử dụng nhiều lần, dây dài 4,6m, có công kết nối tính năng sử dụng tính năng REM | Cái | 5 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|---|-------------|----------|
| 384 | Dây oxy 1 nhánh các số | - Chất liệu: Nhựa pvc nguyên sinh. Các số 6, 8, 10, 12 - Kích thước: 50cm ± 2 - Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO, TCCS/TCVN. Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cái | 150 |
| 385 | Dây Oxy 2 lỗ người lớn, trẻ em | Dây Oxy 2 lỗ dài ≥ 2m; size người lớn, trẻ em. '- Chiều dài: 140 cm. Dây oxy được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh dùng trong y tế, mềm dẻo, dai, độ bền cao, không bị gãy gấp trong quá trình sử dụng. Dây dẫn có khóa để đảm bảo mọi điều kiện tác động, khí oxy luôn được tuần hoàn. Một đầu dây gắn phễu để kết nối với Máy tạo oxy/ Bình oxy Một đầu gắn co 2 nhánh để gắn vào mũi bệnh nhân, đầu nối đã được gắn chặt và an toàn. Đóng gói: 1 cái/túi, tiệt trùng từng túi Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 23,435 |
| 386 | Dây Oxy 2 lỗ sơ sinh | Dây Oxy 2 lỗ sơ sinh, phần 2 nhánh tiếp xúc di chuyển được | Cái | 1,350 |
| 387 | Dây oxy 2 râu cho trẻ sơ sinh non | dây được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, không chứa DEHP. Cỡ sơ sinh, dây dài 1.8m-2m. Lòong ống hình sao. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí ethylene oxide (E.O) | Cái | 50 |
| 388 | Dây thở máy gây mê Flexi-lock parallel người lớn hoặc tương đương | Dây máy thở Flexi-lock. 22mm co giãn lên đến 2.0m với co nối y có 2 cổng theo dõi, co nối đường kính 22mm F+ co nối dự phòng..... | Cái | 150 |
| 389 | Dây thở silicon dùng cho trẻ em | Bộ dây thở làm bằng chất liệu silicone, bao gồm 5 đoạn dây đường kính trong 15mm dài 60cm, 2 bẫy nước, 1 co chữ Y, q co L, 1 co nối thẳng. Hấp tiệt trùng 132 độ C trong 4 phút | Bộ | 1 |
| 390 | Dây thở silicon dùng cho trẻ sơ sinh | Bộ dây thở làm bằng chất liệu silicone, bao gồm 5 đoạn dây đường kính trong 10mm dài 60cm, 2 bẫy nước, 1 co chữ Y, q co L, 1 co nối thẳng. Hấp tiệt trùng 132 độ C trong 4 phút | Bộ | 2 |
| 391 | Dây xoắn máy gây mê người lớn/ trẻ em, 2 nhánh | - Chất liệu: Nhựa PP và PVC trong y tế. Dây co dãn có thể xếp lại được. - Chiều dài dây: 1.8m. Đường kính ngoài 22mm. - Chỉ số Lumen lớn, chống tắc nghẽn và độ trong suốt cho phép hình dung rõ ràng về chất lỏng - Có cổng lấy mẫu khí có nắp khóa. Co nối chữ L (dạng khủy tay) xoay được , co chữ Y song song. - Kích cỡ cổng kết nối thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế 15mm/22mm. - Dùng để dẫn khí thở từ máy thở, máy gây mê tới bệnh nhân, sử dụng cho bệnh nhân thông khí nhân tạo. Đạt tiêu chuẩn ISO, EC | Cái | 250 |
| 392 | Đè lưới gỗ tiệt trùng | Chế tạo từ gỗ thông tươi được trích nhựa trước khi đưa vào sản xuất; đạt độ cứng và độ láng đúng tiêu chuẩn Sản phẩm đã tiệt trùng từng cây và chỉ dùng một lần. Đạt tiêu chuẩn ISO, TCCS Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 43,000 |
| 393 | Điện cực đo điện tim | kích thước miếng dán 35mmx42mm, đầu giắc nối với máy bằng kim loại phủ bạc, miếng dán dính chặt để dán ,dễ gỡ. | Miếng | 50,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|--|-------------|----------|
| 394 | Đồng hồ oxy | Bộ sản phẩm tiêu chuẩn bao gồm: đồng hồ đo lượng oxy:01 cái, cột đo lưu lượng khí oxy ra:: 1 cái, bình tạo ẩm khí oxy dung tích 150ml :1 cái, dây thở:1 cái. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 200 |
| 395 | Hộp tròn y tế | * Chất liệu inox * Kích thước : 8 cm x 6cm Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 62 |
| 396 | Kẹp rún tiết trùng sơ sinh | Nhựa y tế được tiết trùng. | Cái | 100 |
| 397 | Khẩu trang 3 lớp tiết trùng | khẩu trang được bọc trong gói tiết trùng, không mùi, không độc Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 45,000 |
| 398 | Khẩu trang than hoạt tính N95 | Khẩu trang than hoạt tính N95. | Cái | 6,300 |
| 399 | Khóa ba ngã chống nứt gãy | - Chất liệu Microcrystalline Polyamide - Dây nối không có chất phụ gia DEHP, không Latex - Dây nối dài 25 cm, 1 đầu male dạng xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 công female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Chịu áp lực lên đến 4 bar - Thể tích mỗi 2ml - Thời gian sử dụng 96h - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch - Góc xoay đa chiều linh hoạt, không bị chèn/trượt trong quá trình sử dụng và có tín hiệu hãm cho các nắp xoay mỗi 45 độ trong sử dụng - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 - Đạt tiêu chuẩn châu Âu CE MDR: CE 0123 | Cái | 845 |
| 400 | Khóa ba ngã có dây | Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được ,có dây dài 25cm chống nứt gãy và chịu được áp lực cao, khóa không hở thông tốt, dễ điều chỉnh. Nhóm nước sản xuất: Châu Âu, Châu Á | Cái | 12,000 |
| 401 | Kính bảo hộ | Kính bảo hộ y tế. Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cái | 60 |
| 402 | Lam kính trong | Độ dày: 1.0-1.2 mm kích thước : 25.4 x 76.2 mm(1"x3") Vật liệu cấu thành: kính Loại trơn. Nhóm nước sản xuất: Châu Á, G20 | miếng | 40,000 |
| 403 | Lamen | Lamen mỏng 22 x 22mm Nhóm nước sản xuất: G7 | Miếng | 3,000 |
| 404 | Lentulo 21mm, 25mm | Lentulo 21mm, 25mm | Cây | 200 |
| 405 | Mask gây mê cho trẻ sơ sinh non/sơ sinh/ trẻ em/ng.lớn | Nhựa PVC y tế mềm,giữ kính hơi mê,vòm áp mềm mại,vỏ trùng nổi 15mm và 22mm tùy số | Cái | 106 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|--|-------------|----------|
| 406 | Mặt nạ xông khí dung người lớn | Mặt nạ và dây dẫn đều được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng, không có chất tạo mùi, có bộ khí dung, dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn, Thanh nhôm mềm dẻo. Dây chun cố định mặt nạ và đầu người bệnh có độ đàn hồi cao Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 8,200 |
| 407 | Mặt nạ xông khí dung trẻ em | Mặt nạ và dây dẫn đều được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng, không có chất tạo mùi, có bộ khí dung, dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn, Thanh nhôm mềm dẻo. Dây chun cố định mặt nạ và đầu người bệnh có độ đàn hồi cao | Cái | 1,600 |
| 408 | Máy đo huyết áp người lớn (không có tai nghe) | Khoảng đo: từ 0 đến 300mmHg * Đồng hồ đo áp lực: có kim định vị ở mức số không (0) * Độ chính xác: ± 3 mmHg * Hệ thống bơm khí: vòng hơi được làm bằng vải may viền có túi hơi cao su bên trong, quả bóp cao su có van điều chỉnh Đạt tiêu chuẩn ISO | Cái | 174 |
| 409 | Máy đo huyết áp trẻ em (có tai nghe) | Khoảng đo: từ 0 đến 300mmHg * Đồng hồ đo áp lực: có kim định vị ở mức số không (0) * Độ chính xác: ± 3 mmHg * Hệ thống bơm khí: vòng hơi được làm bằng vải may viền có túi hơi cao su bên trong, quả bóp cao su có van điều chỉnh Đạt tiêu chuẩn ISO | Bộ | 15 |
| 410 | Mũ trùm đầu y tế trong phòng mổ | Mũ trùm đầu y tế dành cho nhân viên trong phòng mổ | cái | 2,000 |
| 411 | Nắp + dây bình thông phổi | Nắp + dây bình thông phổi | Bộ | 300 |
| 412 | Nhiệt kế điện tử | Cấu hình nhiệt kế: 1 nhiệt kế gồm bao pin, vỏ đựng, 5 vỏ bọc đầu đo, hướng dẫn sử dụng - Vị trí đo: miệng, nách, hậu môn - Thời gian đo: nách 120 giây, miệng 80 giây và hậu môn 60 giây - Hiện thị nhiệt độ: độ C và độ F Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 159 |
| 413 | Nhiệt kế điện tử đo trán | Đo nhiệt độ không tiếp xúc da, đo 3 trong 1: đo trán, nhiệt độ phòng, bề mặt. Cho kết quả sau 1 giây, lưu 25 lần đo, có chế độ im lặng, đèn màn hình dễ nhìn trong đêm. Phù hợp trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. | Cái | 19 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------|---|-------------|----------|
| 414 | Nội khí quản công mũi | <p>Ống nội khí quản công mũi có bóng chèn, chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt phù hợp với đường cong khí quản.</p> <p>Ống có vạch cân quang chạy dọc thân ống.</p> <p>Đầu tù, có mắt Murphy tránh tổn thương niêm mạc khí quản khi đặt.</p> <p>Bóng chèn có áp lực thấp tránh tổn thương niêm mạc khí quản.</p> <p>Cỡ 6.0- 8.0mm.</p> <p>Đường kính trong và đường kính ngoài ống, đường kính bóng chèn và chiều dài ống nội khí quản theo size như sau (mm):</p> <p>Ống 6.0 mm, 8.2 mm, 18.0 mm, 381 mm;</p> <p>Ống 6.5 mm, 8.9 mm, 23.0 mm, 390 mm;</p> <p>Ống 7.0 mm, 9.6 mm, 26.0 mm, 401 mm;</p> <p>Ống 7.5 mm, 10.2 mm, 26.0 mm, 421 mm;</p> <p>Ống 8.0 mm, 10.9 mm, 29.0 mm, 421 mm.</p> <p>Tiết trùng, sử dụng 1 lần</p> <p>Không chứa Latex.</p> <p>Sản phẩm đạt chứng nhận ISO13485, FDA</p> | Cái | 10 |
| 415 | Nón phẫu thuật nữ | <p>KT: dài 20-21cm, rộng 2.3-2.5cm, làm bằng vải không dệt không bám bụi không thấm nước, vành nón co giãn</p> <p>- Không chứa hàm lượng kim loại nặng, vi sinh vật hiếu khí, nấm men, nấm mốc Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam</p> | Cái | 18,000 |
| 416 | Nút chặn catheter | Nút chặn catheter | Cái | 320 |
| 417 | Ống dẫn đường nội khí quản | Kích cỡ ống 6CH dài 305mm, 10CH dài 390mm, 14CH dài 420mm. | Cái | 170 |
| 418 | Ống dẫn lưu màng phổi các số | Dùng để dẫn lưu dịch màng phổi, có cọ nối đi kèm, kích cỡ từ số 12-32FR, dài 40cm | Cái | 200 |
| 419 | Ống dẫn lưu ổ bụng | Được sản xuất từ cao su thiên nhiên bằng công nghệ nhúng | Cái | 1,000 |
| 420 | Ống HCT (có tráng heparin) | Ống hematokrit với thiết kế đánh dấu màu, bề mặt đầu nhẵn bóng Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cái | 15,500 |
| 421 | Ống hút đàm kín | Ống hút đàm kín | Cái | 50 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|---|-------------|----------|
| 422 | Ống mở khí quản 2 nòng có bóng, có cửa sổ các loại (4,6,8) | <p>Được chế tạo từ nguyên liệu chất lượng cao phù hợp với y tế. Thân ống mềm tương thích với nhiệt độ cơ thể giảm tổn thương và mang lại sự thoải mái cho người bệnh. Bóng chèn hình trụ áp lực thấp làm giảm tổn thương khí quản, có nòng trong cho phép bệnh nhân tập cai thở máy và tập nói bằng cách tháo bóng và sử dụng lỗ mở của sổ. Nòng trong có giác nổi xoắn với nòng ngoài an toàn và chắc chắn, đầu nổi 15mm phù hợp với các loại co nổi dây máy thở và có thể tháo ra vệ sinh chống tắc. Có thể lưu lâu dài tới 29 ngày. Ống không chứa chất cao su. Nòng ngoài có một lỗ mở (cửa sổ) ở thành cong phía sau. Khi nòng trong được tháo ra hoặc thay bằng nòng trong không có cửa sổ và bóng được xả hơi, không khí có thể đi qua cửa sổ lên thanh quản, cho phép bệnh nhân tập nói hoặc ho hiệu quả hơn, hỗ trợ quá trình cai thở máy. Đóng gói tiệt trùng. Thông số kỹ thuật: Kích thước: Đường kính trong (I.D.) Đường kính ngoài (O.D.) Chiều dài (Length)</p> <p>số 4 (5.0 mm 9.4 mm 65 mm) số 6 (6.4 mm 10.8 mm 76 mm) số 8 (7.6 mm 12.2 mm 81 m)</p> <p>Bộ mở khí quản gồm:</p> <p>a. Nắp đậy nòng ngoài để người bệnh thở qua lỗ cửa sổ và đường hô hấp trên. b. Nòng trong sử dụng nhiều lần, có khóa vận. c. Cây nòng dẫn đường. d. Nòng trong có cửa sổ, có khóa vận và nắp đậy.</p> | Cái | 10 |
| 423 | Ống nghe 2 tai | Cấu hình ống nghe: *mặt nghe gồm chuông và màng nghe, được thiết kế hai mặt * Ống nghe hai tai làm bằng đồng thau *dây chữ Y làm bằng nhựa PVC * Nguyên lý: Nghe nhịp tim, nhịp mạch qua màng nghe. | Cái | 139 |
| 424 | Ống nội khí quản đầu mũi bo tròn | Ống nội khí quản, dây cân quang, đầu mũi bo tròn, bóng áp suất thấp, số 5.0 -> 8.0 | Cái | 35 |
| 425 | Ống nội khí quản đầu mũi trái khế | có dây cân quang, đầu mũi trái khế, bóng áp suất thấp, số 2.0 -> 4.5, dùng để thông đường khí quản, được làm từ nhựa PVC ,trong suốt mềm mại, đóng gói riêng từng túi | Cái | 470 |
| 426 | Ống nội khí quản đầu mũi trái khế | dây cân quang, đầu mũi trái khế, bóng áp suất thấp, số 5.0 -> 9.0, dùng để thông đường khí quản, được làm từ nhựa PVC ,trong suốt mềm mại, đóng gói riêng từng túi | Cái | 5,297 |
| 427 | Ống nội khí quản không có bóng chèn các số | Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhọn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Không bóng, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. Từ số 2 đến số 5 - Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. | Cái | 145 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|--|-------------|----------|
| 428 | Ống nội khí quản lò xo cỡ 6.0; 6.5; 7.0; 7.5 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Ống nội khí quản lò xo cổng mũi miệng có bóng chèn 2. Chất liệu bằng Polyvinylchlorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt. 3. Thân ống có vòng lò xo (stainless steel) chạy dọc thân giúp ống không bị gập lại gây tắc nghẽn. 4. Đầu tù an toàn, mắt Murphy trơn tù. 5. Ống có 2 vạch đậm phía trên bóng chèn đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 đường chạy dọc thân giúp định vị ống. 6. Bóng thể tích lớn áp lực thấp 7. Đường kính trong và đường kính ngoài ống, đường kính bóng chèn và chiều dài size như sau (mm): Ống 6.0 mm, 8.8 mm, 24mm, 286mm; Ống 6.5 mm, 9.4 mm, 26mm, 297mm; Ống 7.0 mm, 10.0 mm, 27mm, 306mm; Ống 7.5 mm, 10.6 mm, 28mm, 318mm; 8. Tiệt trùng, sử dụng 1 lần. 9. Không chứa latex 10. Sản phẩm đạt chứng nhận ISO13485, FDA | Cái | 50 |
| 429 | Ống nối dây máy thở, dùng một lần, dạng dây xếp gấp có thể co giãn, tiệt trùng bằng ethylene oxyde Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Ống nối dây máy thở, dùng một lần, dạng dây xếp gấp có thể co giãn, tiệt trùng bằng ethylene oxyde Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 550 |
| 430 | Ống thở oxy qua T-Tube nội khí quản | Co T máy thở cho bệnh nhân thở máy, có cổng hút đàm, dây nối oxy dài 1.8-2.1m Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Cái | 210 |
| 431 | Ống thông đường thở các số | <p>Duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê, được làm từ polyethylene không độc hại. Được làm từ nhựa y tế chất lượng cao, không chứa latex, không độc hại và thành phẩm có bề mặt vô cùng nhẵn, nhằm an toàn khi đặt vào đường thở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế hợp lý nhằm sử dụng an toàn, hiệu quả với các đường mép tròn, không gây trầy xước. Đường thông khí nhẵn bảo đảm cho việc vệ sinh dễ dàng. Có khuôn để ngoặm, ngăn cản lưỡi và tắt nghẽn đường thông khí. - Mã hóa màu giúp cho việc nhận biết kích cỡ dễ dàng. Dùng để duy trì một đường thở ở hầu, miệng không bị tắc nghẽn đối với những bệnh nhân bị hôn mê trong phòng chăm sóc đặc biệt, phòng cấp cứu và dùng cho việc gây mê. - Kích cỡ: số 0: 60mm; số 1: 70mm; số 2: 80mm; số 3: 90mm; số 4: 100mm. - Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói từng cái riêng biệt. <p>Đạt tiêu chuẩn ISO, EC</p> | Cái | 1,600 |
| 432 | Ống thông tiêu 1 nhánh các số | Được sản xuất từ 100% cao su tự nhiên không gây dị ứng da. Số từ 8->18 | Cái | 1,800 |
| 433 | Ống thông tiêu 2 nhánh | ống làm bằng vật liệu PVC mềm, phủ silicone trong và ngoài ống có size số từ 6 đến 10 ch/Fr | Cái | 130 |
| 434 | Ống thông tiêu 2 nhánh | ống làm bằng vật liệu PVC mềm, dài khoảng 40cm, phủ silicone trong và ngoài ống có size số từ 12 đến 30 ch/Fr Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Châu Âu | Cái | 15,000 |
| 435 | Ống thông tiêu 3 nhánh | ống làm bằng vật liệu PVC mềm, phủ silicone trong và ngoài ống có size số từ 18 đến 30 ch/Fr | Cái | 500 |
| 436 | Que dẫn Laser | Que dẫn Laser 365 μm, loại sử dụng nhiều lần. Tiệt trùng sẵn tương thích với máy Mega Pulse Tower 30+ hoặc tương đương Nhóm nước sản xuất: Châu Âu | Cái | 6 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|---|-------------|----------|
| 437 | Que thử đường huyết | Hệ thuốc thử: men GLUCOSE DEHYDROGENASE- FAD- đặc hiệu với đường glucose (chỉ phản ứng với đường glucose) -> cho kết quả chính xác Độ chính xác: 99% kết quả <75 mg.dL (<4.2 mmol/L) ± 15 mg/dL (±0.83 mmol/L) 99% kết quả >75 mg.dL (≥4.2 mmol/L) ± 15% Hiệu chuẩn: Kết quả đường trong huyết tương (Tương đương với kết quả của máy phòng xét nghiệm) Nguồn máu: Máu mao mạch, tĩnh mạch, động mạch Màn hình cảm biến ánh sáng: Kết quả đo hiển thị rõ trong điều kiện thiếu ánh sáng Ngôn ngữ: tiếng Việt và tiếng Anh Kỹ thuật hoạt động của máy Kỹ thuật hóa điện cực thiết kế đặc biệt với 2 điện cực: điện cực Vàng (Au) và điện cực Palladium (Pd) - Thời gian đo: 5 giây, mẫu lấy máu: 0,4μL. - Phạm vi đo lường Glucose: 20 - 600 mg/dL (1,1 - 33,3 mmol/L) - Khoảng Hematocrit: 20 - 60% Tiêu chuẩn ISO Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Châu Âu, G7 | Cái | 88,000 |
| 438 | Sonde chữ T các số | hình dạng ống như hình chữ T,có kích cỡ từ số 16-22,đóng gói riêng vô trùng | Cái | 50 |
| 439 | Sonde hậu môn các số | <ul style="list-style-type: none"> • Chất liệu: PVC, không độc hại, không gây kích ứng. • Thân ống mềm mại, trong suốt. • Hầu hết các ống này đều có dải cân quang nằm dọc thân ống để dễ dàng xác định khi chụp X quang. • Tiệt trùng bằng khí OE. | Cái | 480 |
| 440 | Tấm điện cực cho máy Force FX Electrosurgical Generator Covidien hoặc tương đương | Tấm điện cực để lót cho người bệnh,dẫn truyền điện để cho việc cắt đốt mô,tấm điện màu đen. Nhóm nước sản xuất: G7 | Cái | 11 |
| 441 | Tấm trải phẫu thuật nylon | Tấm trải nylon trắng trải phòng mổ, phẫu thuật 1,2m x 1,2m Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 300 |
| 442 | Tạp dề y tế | Kích thước: 110*120. Chất liệu: PE trắng. Đạt TCVN/TCCS. Chống bám bẩn, kháng nước. Đóng gói riêng lẻ từng cái | Cái | 1,800 |
| 443 | Thun kéo liên hàm các loại | Thun kéo liên hàm các loại Nhóm nước sản xuất: G7 | Gói | 20 |
| 444 | Thước đo CVP | Cây thước đo được bọc trong gói nhựa,chất liệu cứng có các số trên thước đo. Nhóm nước sản xuất: Châu Á | Cái | 9 |
| 445 | Túi chườm dạng gel | Túi chườm: Giảm sốt toàn thân , giảm đau nhức, tăng tuần hoàn máu, làm giảm mệt mỏi. | Cái | 2 |
| 446 | Túi đựng dịch thải | Túi đựng dịch thải Nhóm nước sản xuất: G7 | Chiếc | 100 |
| 447 | Túi đựng phân | Thành phần: chất liệu nhựa PVC, giấy keo không dị ứng Kích thước lỗ: 40mm, 60mm Đạt tiêu chuẩn ISO | Cái | 200 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------|---|-------------|----------|
| 448 | Túi máu ba - 250ml | Túi được thiết kế phù hợp tách máu toàn phần theo phương pháp Đỉnh-Đỉnh thành các khối hồng cầu, tủa ,huyết tương. Túi chứa sẵn dung dịch chống đông máu CPD bảo quản hồng cầu tới 21 ngày trong dải nhiệt độ từ 2-6o C, khối dung dịch SAD-M bảo quản hồng cầu tới 42 ngày. Túi 1 : dung tích chứa 250ml máu toàn phần: túi chứa 35ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD, chiều dài đoạn dây lấy máu ≥1100mm Túi 2 : túi rỗng,dung tích chứa 250ml. Túi 3: dung tích chứa 250ml ,túi chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M. Kích thước trong mỗi túi 105x140mm (±5mm), kích thước ngoài 115x205mm (±5mm). Ống dây có đường kính 3x4.5mm. Có đầu lấy máu chân không và túi máu mẫu để lấy mẫu máu xét nghiệm an toàn vô trùng,Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp nhựa đậy kim và có thiết bị bảo vệ đầu kim lại khi chưa hàn dây.Đạt tiêu chuẩn Iso,EC | Cái | 2,000 |
| 449 | Túi máu ba - 350ml | Túi được thiết kế phù hợp tách máu toàn phần theo phương pháp Đỉnh-Đỉnh thành các khối hồng cầu, tủa, huyết tương.Túi chứa sẵn dung dịch chống đông máu CPD bảo quản hồng cầu tới 21 ngày trong dải nhiệt độ từ 2-6o C, khối dung dịch SAD-M bảo quản hồng cầu , Túi 1 : dung tích chứa 350ml máu toàn phần: túi chứa 49ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD, chiều dài đoạn dây lấy máu ≥1100mm, Túi 2 : túi rỗng,dung tích chứa 400ml, Túi 3: dung tích chứa 400ml,túi chứa78ml dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M. Kích thước trong mỗi túi 120x150mm (±5mm), kích thước ngoài 130x220mm (±5mm). Ống dây có đường kính 3x4.5mm. Có đầu lấy máu chân không và túi máu mẫu để lấy mẫu máu xét nghiệm an toàn vô trùng. Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp nhựa đậy kim và có thiết bị bảo vệ đầu kim lại khi chưa hàn dây.Đạt tiêu chuẩn Iso,EC | Cái | 1,920 |
| 450 | Túi máu đôi-250ml | Túi được thiết kế phù hợp để chứa và tách máu toàn phần thành các khối hồng cầu, huyết tương. Túi chứa sẵn khối dung dịch chống đông máu CPDA-1 bảo quản hồng cầu lên tới 35 ngày trong dải nhiệt độ từ 2-6 °C. Túi 2: túi rỗng, dung tích 300ml.Có đầu lấy máu chân không và túi máu mẫu để lấy mẫu máu xét nghiệm an toàn vô trùng,Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp nhựa đậy kim và có thiết bị bảo vệ đầu kim lại khi chưa hàn dây.Đạt tiêu chuẩn ISO, EC | Cái | 10,800 |
| 451 | Túi nước tiểu có quai treo | "Túi nước tiểu có quai treo 2000ml. - Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại.có dây treo, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, . - Có bảng ghi thông tin bệnh nhân. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn ISO, TCVN/TCCS Nhóm nước sản xuất: Việt Nam | Cái | 14,720 |
| 452 | Vớ chân giấy | Vải PP không dệt thông thoáng, dây thun co giãn tốt, thoáng khí, không chứa hàm lượng kim loại nặng, vi sinh vật hiếu khí, nầm men, nầm mốc Nhóm nước sản xuất: Châu Á, Việt Nam | Đôi | 5,240 |
| 453 | Vớ nylon | Chất liệu: Nylon Đạt TCVN/TCCS | Cái | 1,240 |
| 454 | Vòng tay chống nhăm lẩn trẻ sơ sinh | Chất liệu nhựa dẻo | Cái | 6,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------|--|-------------|----------|
| 455 | Bộ cho ăn | <p>Bộ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây cho ăn, số 6 ->16 <p>Trong suốt, có thể nhìn thấy dịch/thức ăn, mềm dẻo, sử dụng được trong thời gian dài, không gây kích ứng, giảm tổn thương. Nhiều lỗ thoát phân bố ở đầu ống để phân tán thức ăn/thuốc đều hơn, tránh tắc nghẽn và xoắn ống. Thiết kế đặc biệt giúp ống giữ hình dạng, đảm bảo dòng chảy thông suốt. Thiết kế giúp ống giữ hình dạng, đảm bảo dòng chảy thông suốt. Chiều dài thường khoảng 100cm, 120cm. Có ghi khắc cố định rõ ràng. Có nắp đậy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bơm tiêm sử dụng 1 lần được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, dung tích 50ml, đầu to lắp vừa dây cho ăn. Sản phẩm đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 9001, CE. <p>Nhóm nước sản xuất: Việt Nam,</p> | Bộ | 12,000 |
| 456 | Bộ dây truyền dịch dùng trọng lực | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: chiều dài dây 180cm, 20 giọt/ml, Đường kính trong dây: 3 mm, đường kính ngoài 4.1 mm. Màng lọc dịch 15µm. - Chất liệu: PVC, trong suốt, không chứa Latex và DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn. - Van thông khí có màng lọc cấu tạo bằng sợi thủy tinh, có khả năng lọc vi 99,99% khuẩn, vi rút (Đảm bảo hệ thống kín có nghiên cứu chứng minh ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn và ngăn ngừa sự hóa hơi, được chứng nhận bởi bên thứ 3), van thông khí chịu áp lực đến 0,2 bar. - Có cửa tiêm thuốc an toàn. Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng-mềm. Đầu khóa vặn xoắn - Bộ điều chỉnh tốc độ với rãnh chữ U, bánh xe/con lăn di chuyển dễ dàng với phạm vi hoạt động con lăn >=23,5 mm có thể chỉnh tốc độ nhỏ giọt thấp (6 lần nhỏ giọt / phút) dễ dàng. Có khe cài dây và cắm đầu nhọn. - Đóng gói kín, từng bộ, được tiệt trùng, | Bộ | 8,000 |
| 457 | Khóa ba ngã chống nứt gãy | <p>Chất liệu Microcrystalline Polyamide</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây nối không có chất phụ gia DEHP, không Latex - Dây nối dài 25 cm, 1 đầu male dạng xoắn vặn, đảm bảo tương thích với các loại catheter, 1 đầu có khóa 3 ngã gồm 2 cổng female đảm bảo tương thích với hệ thống dây truyền - Chịu áp lực lên đến 4 bar - Thể tích mỗi 2ml - Thời gian sử dụng 96h - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch - Góc xoay đa chiều linh hoạt, không bị chèn/trượt trong quá trình sử dụng và có tín hiệu hãm cho các nấc xoay mỗi 45 độ trong sử dụng - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 - Đạt tiêu chuẩn châu Âu CE MDR: CE 0123 | Cái | 2,500 |
| 458 | Dây máy thở NCPAP | Bộ dây chất liệu silicone. Bộ dây gồm: 2 đoạn dây và 1 bể nước, 1 van Benveniste. | Bộ | 10 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|------------------------------|--|-------------|----------|
| 459 | Bộ sanh đã tiệt trùng | Bộ gồm: Áo sơ sinh (viền xanh cho bé trai, viền hồng cho bé gái), khăn lông quần bé (màu xanh cho bé trai, màu hồng cho bé gái) kích thước 60 x 100cm, làm bằng vải cotton 100%, kẹp rón, vòng tay cho bé. Đóng gói bằng túi ép y tế, tiệt trùng bằng khí EO theo từng bộ. Có giấy chứng nhận tiệt trùng ISO 11135, EN ISO 13485 | Bộ | 6,000 |
| 460 | Áo phẫu thuật (Size L) | Làm từ vải không dệt 5 lớp SMMMS 43gsm trở lên, chống thấm cồn, chống tĩnh điện 2 x Khăn thấm 30x40cm 1 x Áo phẫu thuật size L, 43gsm 1 x Vải gói 50x55cm - Tiêu chuẩn: EN ISO 13485, CE MDR 1s, FDA, Sản xuất trong phòng sạch ISO Class 8, tiệt trùng theo EN ISO 11135. | Bộ | 26,000 |
| 461 | Bộ khăn phẫu thuật tổng quát | Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMS 47 gsm trở lên, chống thấm cồn, chống tĩnh điện 1 x Khăn trải bàn Mayo 60x100cm 4 x Khăn thấm 30x40cm 1 x Khăn phủ chân 210x210cm 1 x Khăn phủ đầu 160x250cm 2 x Khăn phủ bên 80x90cm 1 x Băng keo cố định ống dây (Băng keo OP) 10x50cm 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 165x200cm - Tiêu chuẩn: EN ISO 13485, CE MDR 1s, FDA, Sản xuất trong phòng sạch ISO Class 8, tiệt trùng theo EN ISO 11135. | Bộ | 500 |
| 462 | Bộ khăn vùng hậu môn âm đạo | Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMS 47 gsm trở lên, chống thấm cồn, chống tĩnh điện 4 x Khăn thấm 30x40cm 1 x Khăn vùng hậu môn và âm đạo 180/180x240cm có lỗ, có băng keo xung quanh lỗ 1 x Tấm trải đa dụng 70x90cm, vải bán thấm 68gsm 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 165x200cm - Tiêu chuẩn: EN ISO 13485, CE MDR 1s, FDA, Sản xuất trong phòng sạch ISO Class 8, tiệt trùng theo EN ISO 11135. | Bộ | 300 |
| 463 | Bộ khăn nội soi ổ bụng | Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMS 47 gsm trở lên, chống thấm cồn, chống tĩnh điện 4 x Khăn thấm 30x40cm 4 x Khăn có keo 40x60cm 1 x Băng keo OP 10x50cm 1 x Khăn phủ khoa nội soi ổ bụng 174x300cm, có lỗ 25x20cm, xung quanh có băng keo và gia cố vùng thấm. 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 165x200cm. - Tiêu chuẩn: EN ISO 13485, CE MDR 1s, FDA, Sản xuất trong phòng sạch ISO Class 8, tiệt trùng theo EN ISO 11135. | Bộ | 1,000 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|---|-------------|----------|
| 464 | Bộ khăn sanh mổ | <p>Làm từ vải không dệt 6 lớp SSMMMS 47gsm trở lên, chống thấm cồn, chống tĩnh điện</p> <p>4x Khăn thấm 30x40cm</p> <p>1x Khăn trải bàn Mayo 60x100cm</p> <p>1x Khăn sanh mổ có màng phẫu thuật, có túi chứa dịch 195x320cm</p> <p>1x Khăn lót em bé 90x100cm</p> <p>1x Khăn thấm lau em bé 80x100cm</p> <p>1x Khăn trải bàn dụng cụ 165x190cm</p> <p>- Tiêu chuẩn: EN ISO 13485, CE MDR 1s, FDA, Sản xuất trong phòng sạch ISO Class 8, tiết trùng theo EN ISO 11135.</p> | Bộ | 1,500 |
| 465 | Bộ khăn chỉnh hình tổng quát (Thay khớp háng) | <p>Làm từ vải không dệt cao cấp 6 lớp SSMMMS không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm:</p> <p>8 x khăn thấm 30x40cm,</p> <p>2 x Băng keo cố định ống dây 10 x 50cm,</p> <p>1 x Bao phủ chi 35 x 115cm,</p> <p>1 x Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 160cm,</p> <p>1 x Khăn tiếp cận 90 x 100cm,</p> <p>1 x Khăn U không thấm có rãnh 165 x 240cm,</p> <p>1 x Khăn U thấm có rãnh 240 x 310cm,</p> <p>1 x Khăn đa dụng có băng keo (Khăn phủ ngang) 165 x 240cm,</p> <p>1 x Khăn trải bàn dụng cụ 165 x 200cm.</p> <p>- Tiêu chuẩn: EN ISO 13485, CE MDR 1s, FDA, Sản xuất trong phòng sạch ISO Class 8, tiết trùng theo EN ISO 11135.</p> | Bộ | 300 |
| 466 | Bộ khăn soi khớp gối, thay khớp gối A | <p>Làm từ vải không dệt 6 lớp SSMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm:</p> <p>4 x khăn thấm 30 x 40cm,</p> <p>2 x Băng keo OP 10x50cm,</p> <p>1 x Bao phủ chi 23 x 80cm,</p> <p>1 x Khăn U không thấm có rãnh 165 x 240cm,</p> <p>1 x Khăn nội soi khớp gối 240x300cm có lỗ và màng thun,</p> <p>1 x Khăn trải bàn dụng cụ 165x200cm.</p> <p>- Tiêu chuẩn: EN ISO 13485, CE MDR 1s, FDA, Sản xuất trong phòng sạch ISO Class 8, tiết trùng theo EN ISO 11135.</p> | Bộ | 300 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------|--|-------------|----------|
| 467 | Bộ khăn phẫu thuật chi dưới | Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 4 x Khăn thấm 30x40cm 1 x Băng keo cố định ống dây (Băng keo OP) 10x50cm 1 x Khăn tiếp cận (Khăn đa dụng) 90x100cm 1 x Bao phủ chi 35x115cm 1 x Khăn phẫu thuật chi dưới, có màng thun co giãn đàn hồi 240x310cm 1 x Khăn U không thấm 160x230cm 1 x Khăn phủ ngang 150x260cm 1 x Tấm trải đa dụng một mặt thấm 90x100cm 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 165x200cm - Tiêu chuẩn: EN ISO 13485, CE MDR 1s, FDA, Sản xuất trong phòng sạch ISO Class 8, tiệt trùng theo EN ISO 11135. | Bộ | 700 |
| 468 | Bộ khăn phẫu thuật chi trên | Làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 1x Khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp 165cm x 200cm x 01 cái: Vải SSMMMS, màng phim PE xanh 2 x Khăn thấm 30cm x 40cm x 04 cái 3 x Băng keo cố định các ống dây 10cm x 50cm x 01 cái: Vải SSMMMS, băng keo y tế 4 x Khăn tiếp cận 90cm x 100cm x 01 cái 5 x Bao phủ chi 35cm x 115cm x 01 cái 6 x Khăn phẫu thuật chi trên 174cm x 300cm, có băng keo x 01 cái 7 x Tấm trải đa dụng 90x100cm, vải bán thấm 68gsm x 1 cái - Tiêu chuẩn: EN ISO 13485, CE MDR 1s, FDA, Sản xuất trong phòng sạch ISO Class 8, tiệt trùng theo EN ISO 11135. | Bộ | 700 |
| 469 | Bộ khăn phẫu thuật niệu NTP | Làm từ vải không dệt 6 lớp SSMMMS 47gsm không thấm cồn, không thấm nước, chống tĩnh điện gồm: 4 x Khăn thấm 30x40cm 1 x Khăn nội soi niệu quản 180x180x240cm, có túi chứa dịch 1 x Khăn trải bàn dụng cụ 140x200cm - Tiêu chuẩn: EN ISO 13485, CE MDR 1s, FDA, Sản xuất trong phòng sạch ISO Class 8, tiệt trùng theo EN ISO 11135. | Bộ | 1,000 |
| 470 | BỘ KANGAROO (Size XL) | Vải thun lạnh 4 chiều màu hồng size XL | Bộ | 1,500 |
| 471 | Film khô Laser | 20x25cm hoặc tương đương. Tương thích với máy in film Fuji Drypix 4000, Fuji Drypix-Plus | Tấm | 25,000 |
| 472 | Film khô Laser | 35x43cm hoặc tương đương. Tương thích với máy in film Fuji Drypix 4000, Fuji Drypix-Plus | Tấm | 25,000 |
| 473 | Film khô Laser | 26x36cm hoặc tương đương. Tương thích với máy in film Fuji Drypix 4000, Fuji Drypix-Plus | Tấm | 7,500 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|---|-------------|----------|
| 474 | Bộ ống tiêm dùng cho bơm tiêm thuốc cân quang | Bộ ống tiêm điện dùng một lần đáp ứng thông số kỹ thuật: - Bộ bao gồm: + Hai Xy Lanh + Một ống nối áp suất thấp + Một ống nạp nhanh + Một ống môi - Thể tích: 200 ml (2 Xy Lanh) - Áp suất: 400 PSI - Số lượng: 20 bộ / 1 hộp | Bộ | 100 |
| 475 | Nẹp gỗ cố định ngoài | Nẹp gỗ cố định ngoài 120cm x 5 cm x 1 cm | Cái | 50 |
| 476 | Nẹp gỗ cố định ngoài | Nẹp gỗ cố định ngoài 30 cm x 5 cm x 1 cm | Cái | 50 |
| 477 | Nẹp gỗ cố định ngoài | Nẹp gỗ cố định ngoài 50cm x 5 cm x 1cm | Cái | 50 |
| 478 | Nẹp gỗ cố định ngoài | Nẹp gỗ cố định ngoài 60cm x 5 cm x 1 cm | Cái | 50 |
| 479 | Nẹp gỗ cố định ngoài | Nẹp gỗ cố định ngoài 75cm x 5 cm x 1 cm | Cái | 50 |
| 480 | Nẹp lưới vá sọ | Gói/ 1 miếng vít $\geq \varnothing 2.0\text{mm}$, 120x120x0.6mm, dạng 3 D | Cái | 3 |
| 481 | Nẹp lưới vá sọ | Gói/ 1 miếng vít $\geq \varnothing 2.0\text{mm}$, 150x150x0.6mm, dạng 3 D | Cái | 3 |
| 482 | Nẹp lưới vá sọ | Gói/ 1 cái vít $\geq \varnothing 2.0\text{mm}$, 200x200x0.6mm, dạng 3 D | Cái | 2 |
| 483 | Nẹp lưới vá sọ | Gói/ 1 miếng vít $\geq \varnothing 2.0\text{mm}$, 90x90x0.6mm, dạng 3 D | Cái | 3 |
| 484 | Vít titan | Gói/ 10 con tự khoan kích thước $\geq 2.0 \times 6$ mm | Cái | 250 |
| 485 | Nẹp thẳng | Nẹp Titan mini thẳng: 4,6,8,18,20 lỗ, kích thước các cỡ Nhóm nước sản xuất: G7 | cái | 150 |
| 486 | Nẹp xương chữ I | Gói/ 1 thanh vít $\geq \varnothing 2.0\text{mm}$, 16 lỗ | Cái | 12 |

| STT | Danh mục hàng hóa | Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|---|-------------|----------|
| 487 | Đầu điện cực phẫu thuật thanh quản dùng cho máy Coblator hoặc tương đương | <p>Đầu điện cực phẫu thuật thanh quản người lớn và trẻ em (papiloma thanh quản, hạt xơ dây thanh, polyp thanh quản, ung thư thanh quản, phẫu thuật cắt sụn phễu,...) dùng cho máy Coblator hiện đang có ở bệnh viện.</p> <p>Nhóm nước sản xuất: Nhóm G7</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CFS, FDA của Mỹ.</p> <p>Thiết kế có đường nước và sử dụng dung dịch nước muối sinh lý (normal saline) làm chất dẫn điện tạo trường plasma. Điện cực (screen electrode) giúp loại bỏ chính xác các tổn thương nhỏ nhất. Chiều dài làm việc 16.5cm, đường kính đầu tip 3.8mm. Góc 45° cách tay cầm 3cm; đầu tip cong, góc 15° ở đầu xa. Có thể uốn cong. Cài đặt mặc định thông số đốt (Coblation/ Ablation): 7; cầm máu (Coagulation): 3. Phẫu thuật viên có thể điều chỉnh. Bộ đầu điện cực phẫu thuật thanh quản dùng cho máy Coblator: vô khuẩn, được sản xuất dính liền với bộ dây truyền dịch, công hút dịch và dây dẫn nối với máy Coblator.</p> | Cái | 2 |